

CẨM NANG NGÀNH QUẢN LÝ QUỸ VIỆT NAM 2026

Kiến Tạo Cơ Sở Nhà Đầu Tư Bền Vững

Từ Số liệu đến Quyết định

Ngày phát hành: Ngày 22 tháng 09 năm 2026



Thư ngỏ	3
Tóm tắt Báo cáo	4 – 6
Phần 1: Tổng quan ngành Quản lý Quỹ Việt Nam	7 – 16
Ngành Quản lý Quỹ qua những con số	8
Quy mô Tài sản quản lý (AUM) tăng nhưng còn khiêm tốn so với GDP	9 - 10
Vốn ủy thác – Trụ cột tăng trưởng cho quy mô AUM	11 - 12
Quỹ đầu tư chứng khoán – Dư địa tăng trưởng lớn	13 - 16
Phần 2: Ba xu hướng định hình ngành Quản lý Quỹ	17 - 25
Đổi mới sản phẩm dịch chuyển từ “thêm quỹ” sang mở rộng cấu trúc và lớp tài sản	18 - 20
Dòng vốn quốc tế mở rộng cơ hội cho các nhà quản lý quỹ nội địa	21
Số hóa phân phối và chuyên nghiệp hóa cơ sở nhà đầu tư	22 - 25
Phần 3: Cẩm nang đầu tư qua Quỹ	26 - 37
Về FiinGroup	
Về FIDT	
Điều khoản Miễn trách	

Lưu ý quan trọng: Phần 3 – Cẩm nang đầu tư qua quỹ do FIDT thực hiện độc lập, tập trung cung cấp các kiến thức và công cụ thực tiễn hỗ trợ nhà đầu tư. **FiinGroup không tham gia tư vấn, khuyến nghị hoặc đưa ra quyết định đầu tư trong phần Phần 3 này.**

Đội ngũ Phân tích FiinGroup:

Đỗ Thị Hồng Vân

Trưởng nhóm Phân tích TTCK

Email: van.do@fiingroup.vn

Đặng Trần Thu Liên

Chuyên viên phân tích

Email: lien.dang@fiingroup.vn

Ngô Phương Linh

Chuyên viên phân tích

Email: linh.ngophuong@fiingroup.vn

Đội ngũ Phân tích FIDT:

Bùi Văn Huy

Tổng Giám Đốc

Email: huy.bui@fidt.vn

Trần Vũ Bảo

Chuyên viên phân tích

Email: bao.tran@fidt.vn

THƯ NGỎ

Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2026

Kính gửi Quý Khách hàng và Đối tác,

Chúng tôi trân trọng gửi tới Quý vị Báo cáo chuyên đề **Cẩm nang ngành Quản lý Quỹ Việt Nam 2026** với chủ đề “*Kiến tạo Cơ sở nhà đầu tư bền vững – Từ số liệu đến quyết định*”, do FiinGroup và FIDT phối hợp thực hiện.

Báo cáo hướng tới cung cấp một tài liệu tham khảo có hệ thống về ngành Quản lý Quỹ của Việt Nam, phân tích chuyên sâu và triển vọng phát triển của Ngành.

Nhằm bổ sung góc nhìn thực tiễn cho nhà đầu tư cá nhân, Báo cáo dành riêng một phần về phân bổ tài sản và đầu tư qua quỹ, do FIDT – đơn vị hoạt động trong lĩnh vực quản lý gia sản tại Việt Nam – thực hiện độc lập. Nội dung tập trung vào kiến thức và công cụ hỗ trợ xác định mục tiêu, phân bổ tài sản và lựa chọn quỹ phù hợp.

Đây cũng là một phần trong nỗ lực của chúng tôi nhằm hỗ trợ thúc đẩy vai trò của ngành quỹ như kênh dẫn vốn trung và dài hạn, phù hợp với chủ đề “*Ngành Quỹ trong kỷ nguyên mới: Khởi thông dòng vốn cho tăng trưởng cao và bền vững*” của Vietnam Fund Awards 2026.

Báo cáo tập trung vào ba chủ đề chính:

- Toàn cảnh ngành quỹ Việt Nam qua phân tích dữ liệu chuyên sâu của FiinGroup;
- Ba xu hướng định hình giai đoạn phát triển tiếp theo của ngành, gắn với hạ tầng, sản phẩm và cơ sở nhà đầu tư; và
- Cẩm nang đầu tư qua quỹ do FIDT xây dựng, cung cấp kiến thức và công cụ thực tiễn hỗ trợ nhà đầu tư lựa chọn, phân bổ sản phẩm phù hợp với mục tiêu tài chính và khẩu vị rủi ro.

Báo cáo được thực hiện bởi đội ngũ phân tích của FiinGroup và FIDT, dựa trên các nguồn dữ liệu công khai và chính thống.

Chúng tôi kỳ vọng Báo cáo sẽ góp thêm một góc nhìn dữ liệu, minh bạch và thực tiễn cho quá trình phát triển hệ sinh thái quỹ chuyên nghiệp hơn, mở rộng cơ sở nhà đầu tư bền vững và nâng cao vai trò của ngành quỹ trong việc dẫn vốn dài hạn cho thị trường vốn Việt Nam.

Nếu Quý vị có bất kỳ câu hỏi hoặc nhu cầu trao đổi thêm, xin vui lòng liên hệ qua địa chỉ email: support@fiingroup.vn.

Trân trọng,



Nguyễn Hữu Hiệu
Tổng Giám Đốc
FIINGROUP

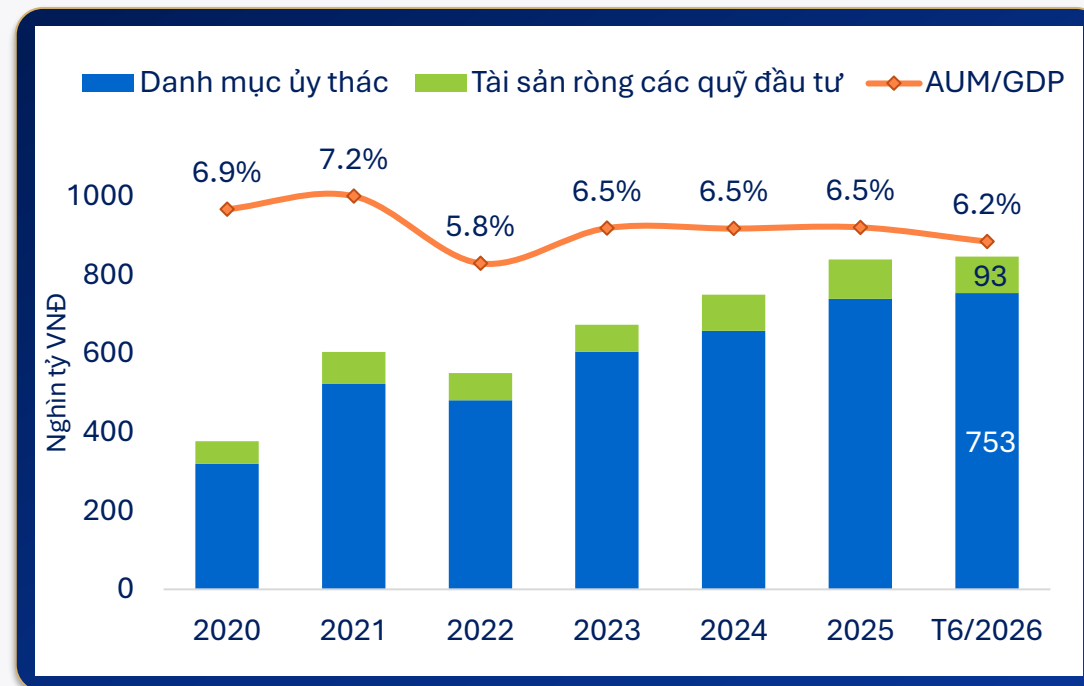


Bùi Văn Huy
Tổng Giám Đốc
FIDT

1 Ngành Quản lý Quỹ Việt Nam: Tăng trưởng về quy mô, nhưng chiều sâu còn hạn chế

- **AUM đạt 846 nghìn tỷ đồng tại cuối T6/2026, tương đương khoảng 6,2% GDP**; quy mô đã tăng 2,6 lần so với năm 2019 nhưng tỷ lệ AUM/GDP gần như đi ngang trong các năm gần đây.
- **Nguồn vốn ủy thác vẫn là trụ cột**, chiếm khoảng 89% AUM, trong khi NAV các quỹ đầu tư chứng khoán chỉ khoảng 93 nghìn tỷ đồng, tương đương 0,7% GDP.
- **Số lượng quỹ đầu tư chứng khoán tăng nhanh hơn quy mô tài sản ròng**, từ 46 quỹ năm 2019 lên 141 quỹ tại T6/2026, **nhưng NAV chưa mở rộng tương xứng**; quỹ mở và ETF chiếm khoảng 71% số quỹ đang hoạt động.
- **Cơ cấu tài sản của các quỹ đầu tư vẫn tập trung cao**, với khoảng 72% NAV phân bổ vào cổ phiếu; riêng Ngân hàng và Bất động sản chiếm khoảng 47% danh mục, cho thấy dư địa lớn để đa dạng hóa lớp tài sản và chiến lược đầu tư.

Quy mô tài sản quản lý (AUM) ngành Quản lý Quỹ Việt Nam



Nguồn: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN), FiinPro-X Platform.

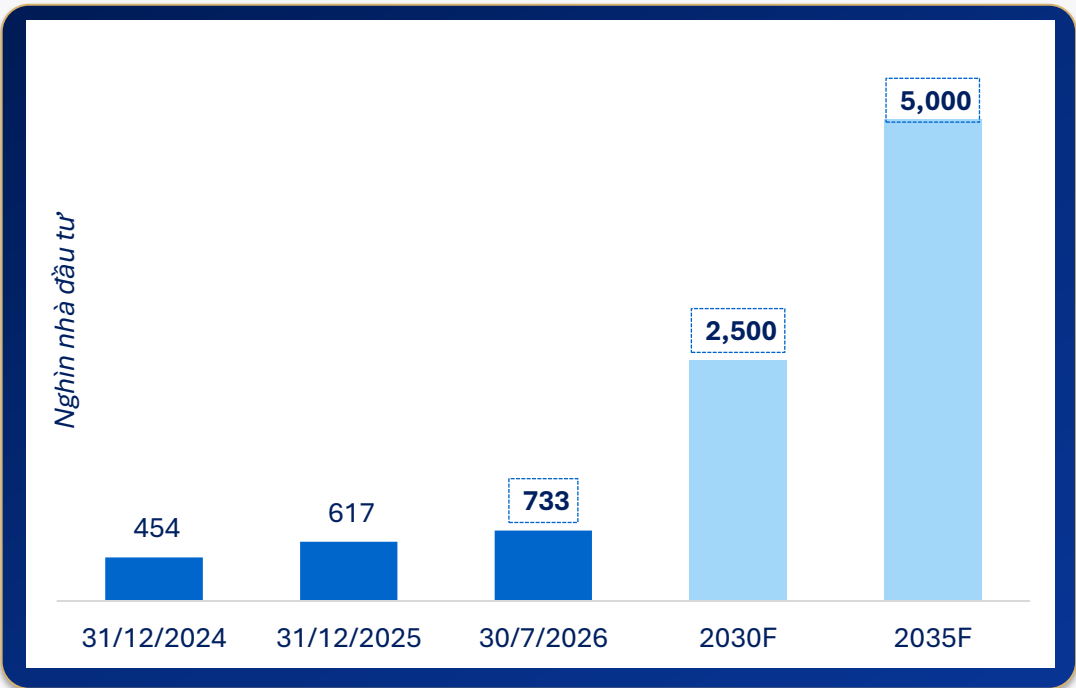
Ghi chú: Tổng giá trị Tài sản quản lý (AUM) được cập nhật đến cuối tháng 6/2026 từ 43 công ty quản lý quỹ nội được UBCKNN cấp phép.

2

Sản phẩm – Dòng vốn ngoại – Công nghệ sẽ cùng định hình chu kỳ tăng trưởng mới

Cơ hội bứt phá cùng dòng vốn quốc tế sau nâng hạng

Số lượng nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ



Nguồn: FiinPro-X Platform. Ghi chú: Dữ liệu tính cho 100 quỹ đầu tư chứng khoán (bao gồm quỹ cổ phiếu, quỹ trái phiếu, quỹ cân bằng, quỹ ETF, quỹ hưu trí, quỹ ESG) được UBCKNN cấp phép hoạt động tính đến ngày 30/7/2026. Số liệu năm 2030 và 2035 là mục tiêu được nêu trong Quyết định số 3168/QĐ-BTC ngày 12/9/2025 của Bộ Tài chính phê duyệt Đề án Tái cấu trúc nhà đầu tư và phát triển ngành QLQ đầu tư chứng khoán.

- Đổi mới sản phẩm**
Trọng tâm dịch chuyển từ “thêm quỹ” sang mở rộng cấu trúc và lớp tài sản; dư địa nằm ở quỹ hạ tầng, quỹ nợ, REIT, Fund of Funds, đa lớp tài sản, ESG, hưu trí và ETF chuyên biệt.
- Động lực kép từ dòng vốn ngoại sau nâng hạng**
Nâng hạng mở rộng cơ hội tiếp cận vốn chủ động và vốn tổ chức quốc tế, bên cạnh dòng vốn thụ động. FTSE Russell ước tính dòng vốn vào Việt Nam có thể đạt khoảng 6 tỷ USD; một phần có thể được phân bổ thông qua nhà quản lý quỹ nội địa, fund of funds (FoF) hoặc feeder fund (quỹ con), qua đó mở thêm dư địa AUM và thúc đẩy nâng chuẩn ngành quản lý quỹ về minh bạch, đa dạng sản phẩm và năng lực vận hành.
- Số hóa phân phối & chuyên nghiệp hóa NĐT**
Cơ sở NĐT nắm giữ CCQ đạt 733 nghìn người tại T7/2026 nhưng còn xa mục tiêu 2,5 triệu năm 2030; phân phối số, dữ liệu, tư vấn cá nhân hóa và AI sẽ ngày càng quan trọng.

3 Cẩm nang đầu tư qua Quỹ: Chọn đúng quỹ phù hợp mục tiêu và khẩu vị rủi ro

ĐỊNH HƯỚNG PHÂN BỐ THEO HỒ SƠ RỦI RO

1. Xác định hồ sơ rủi ro

Hồ sơ rủi ro xác định danh mục nên thiên về phòng thủ, cân bằng hay tăng trưởng.



2. Phân bổ tổng danh mục

Tỷ trọng được phân bổ giữa các nhóm tài sản.



3. Lựa chọn công cụ, sản phẩm triển khai

Trong phần vốn đầu tư qua CCQ, lựa chọn tỷ trọng giữa quỹ trái phiếu – quỹ cân bằng – quỹ cổ phiếu/ETF theo hồ sơ tương ứng.

■ Đầu tư qua quỹ giúp chuẩn hóa quá trình đầu tư

Quỹ giúp nhà đầu tư tiếp cận danh mục đa dạng hơn và chuyển hoạt động nghiên cứu, lựa chọn tài sản, phân bổ và kiểm soát rủi ro sang một quy trình quản lý chuyên nghiệp. Vai trò của nhà đầu tư vì vậy dịch chuyển từ lựa chọn từng tài sản sang xác định mục tiêu và cấu trúc danh mục phù hợp.

■ Nhiều sản phẩm hơn chưa đồng nghĩa với khả năng tiếp cận tốt hơn

Đến T6/2026, thị trường có 141 quỹ đầu tư chứng khoán, bao gồm 80 quỹ mở và 20 ETF, nhưng mỗi kênh phân phối chỉ cung cấp một phần sản phẩm. Do đó, khả năng so sánh nhiều quỹ trên cùng một mặt bằng và phạm vi sản phẩm thực tế tiếp cận được là yếu tố quan trọng trong quá trình lựa chọn.

■ Không có một loại quỹ phù hợp với mọi nhà đầu tư

Quỹ trái phiếu, quỹ cân bằng, quỹ cổ phiếu và ETF có cấu trúc lợi nhuận – rủi ro khác nhau. Việc lựa chọn cần bắt đầu từ mục tiêu tài chính, thời gian đầu tư, nhu cầu thanh khoản và khả năng chấp nhận biến động, từ đó xác định hồ sơ rủi ro và tỷ trọng phù hợp giữa các nhóm quỹ.

Lưu ý quan trọng: Phần 3 – Cẩm nang đầu tư qua quỹ do Công ty đối tác FIDT thực hiện độc lập nhằm cung cấp các kiến thức và công cụ thực tiễn hỗ trợ nhà đầu tư. FiinGroup không tham gia tư vấn, khuyến nghị hoặc đưa ra quyết định đầu tư như đề cập trong phần Phần 3 của Báo cáo này cũng như không phải là hoạt động kinh doanh của FiinGroup.



FiiinGroup
ENLIGHTEN THE MARKET



FIOT
WEALTH FOR LIFE

Phần 1

TỔNG QUAN NGÀNH QUẢN LÝ QUỸ VIỆT NAM



Ngành Quản lý Quỹ qua những con số

Bức tranh tổng quan về ngành Quản lý Quỹ Việt Nam tại ngày 30/6/2026



43

Công ty quản lý quỹ được UBCKNN cấp phép và đang hoạt động



141

Quỹ đầu tư chứng khoán được UBCKNN cấp phép



15

Văn phòng đại diện CTQLQ nước ngoài tại Việt Nam



7

Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện do Bộ Tài chính cấp phép



753

Nghìn tỷ đồng – Danh mục đầu tư của khách hàng ủy thác



846

Nghìn tỷ đồng – Tài sản quản lý (AUM)



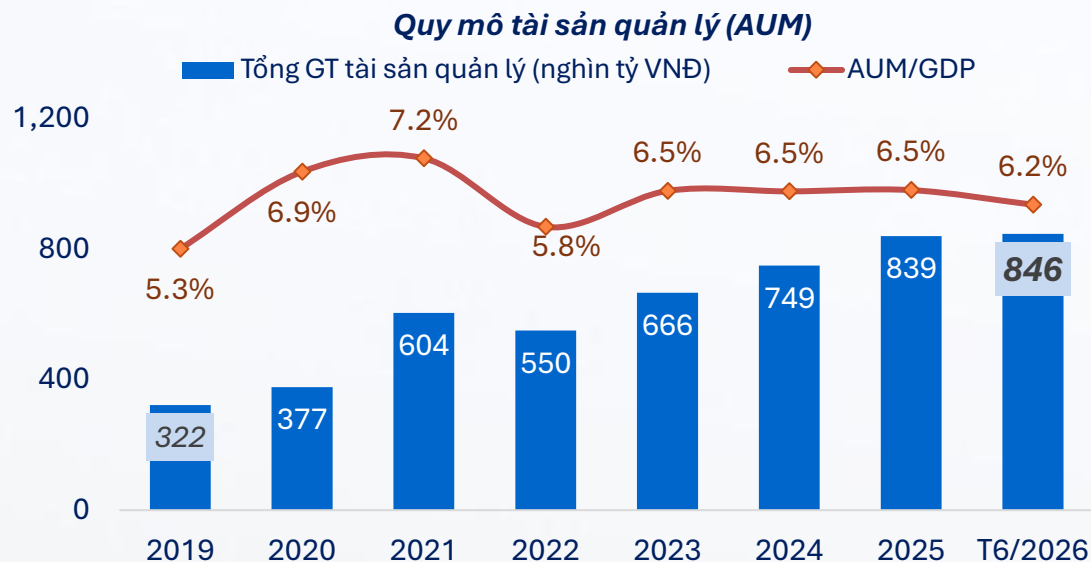
93

Nghìn tỷ đồng – Tài sản ròng (NAV) các quỹ đầu tư chứng khoán

Quy mô AUM tăng trưởng nhưng còn khiêm tốn

Tổng tài sản quản lý (AUM) tăng 2,6 lần trong 6 năm, hiện tương đương 6,2% so với GDP

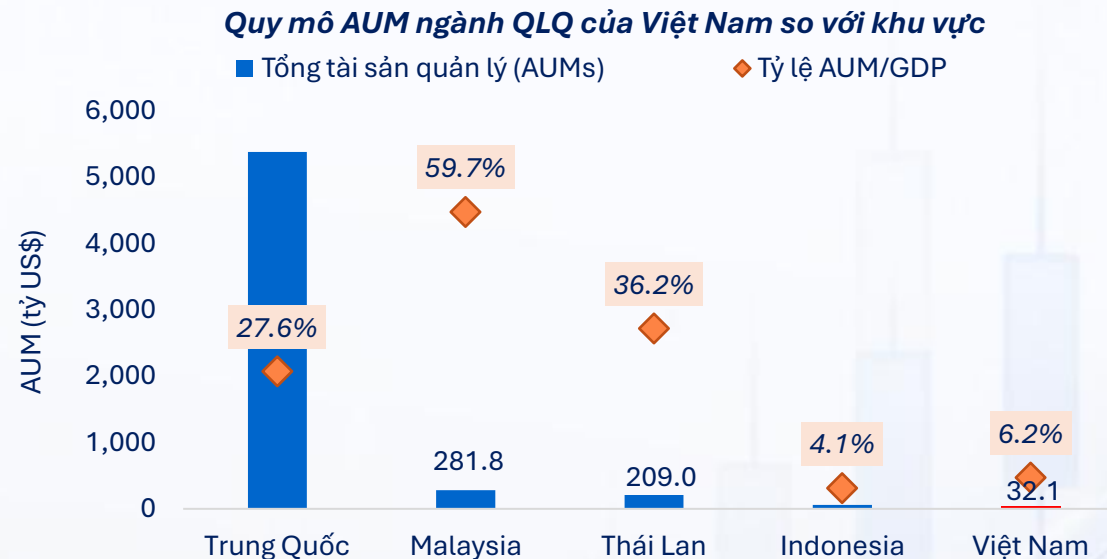
Biểu đồ 1: Quy mô Ngành QLQ Việt Nam còn nhỏ so với GDP



Nguồn: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN), FiinPro-X Platform.

Ghi chú: Tổng giá trị Tài sản quản lý (AUM) được cập nhật đến cuối tháng 6/2026 từ 43 công ty quản lý quỹ nội được UBCKNN cấp phép.

Biểu đồ 2: Quy mô thấp hơn so với nhiều thị trường trong khu vực



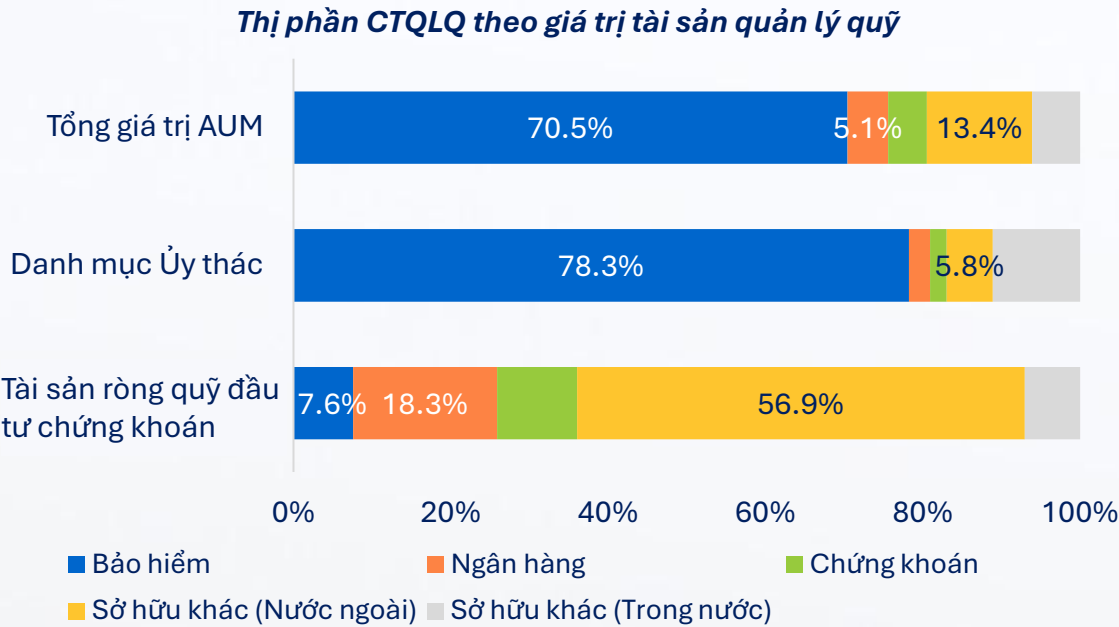
Nguồn: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN), FiinPro-X Platform, Asset Management Association of China (AMAC), Securities Commission Malaysia (SC), Securities and Exchange Commission Thailand (SEC), Financial Services Authority of Indonesia (OJK), World Bank.

- Tổng tài sản quản lý (AUM) tăng từ 322 nghìn tỷ đồng năm 2019 lên 839 nghìn tỷ đồng năm 2025 và 846 nghìn tỷ đồng đến cuối tháng 6/2026, tương đương mức tăng khoảng 2,6 lần trong 6 năm. Tuy nhiên, tỷ lệ AUM/GDP duy trì quanh 6,5% trong giai đoạn 2020-2025, cho thấy quy mô AUM tăng chủ yếu cùng với nền kinh tế, trong khi mức độ thâm nhập của các sản phẩm quản lý tài sản chuyên nghiệp chưa thực sự cải thiện.
- Về dài hạn, để tỷ lệ AUM/GDP gia tăng, quy mô tài sản quản lý cần tăng nhanh hơn GDP danh nghĩa. Dư địa nâng tỷ lệ AUM/GDP sẽ phụ thuộc ngày càng nhiều vào phía cầu, khi tăng trưởng tài sản quản lý cần được dẫn dắt bởi sự mở rộng cơ sở nhà đầu tư và dòng vốn mới vào các sản phẩm quản lý chuyên nghiệp.

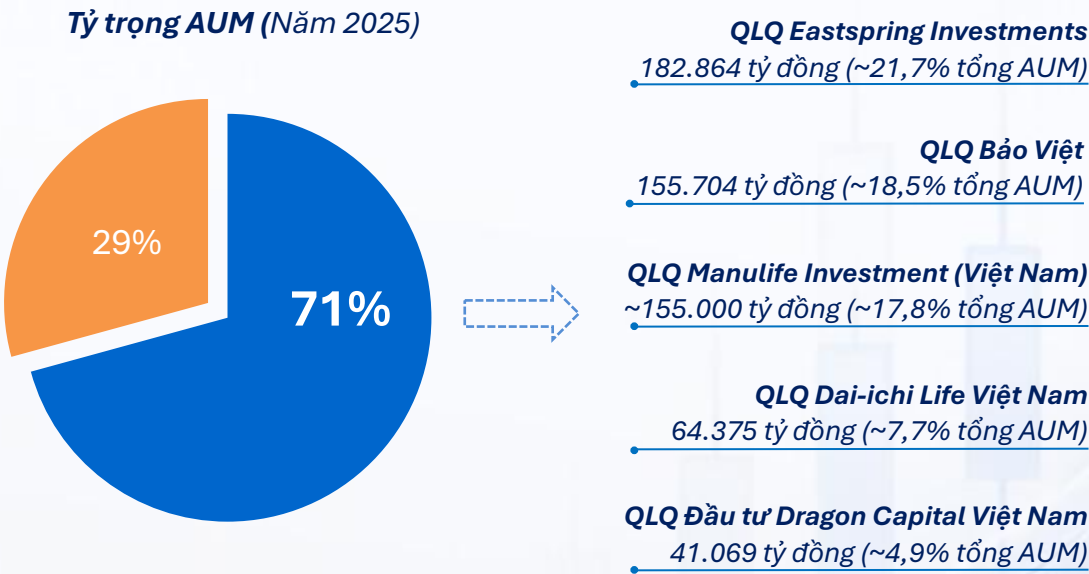
Lợi thế AUM thuộc về các định chế tài chính lớn

Nhóm công ty quản lý quỹ gắn với hệ sinh thái Bảo hiểm và Ngân hàng nắm giữ hơn 70% AUM toàn ngành

Biểu đồ 3: Thị phần AUM theo loại hình Công ty QLQ trong năm 2025



Biểu đồ 4: Top 5 CTQLQ có quy mô AUM ~71% toàn thị trường



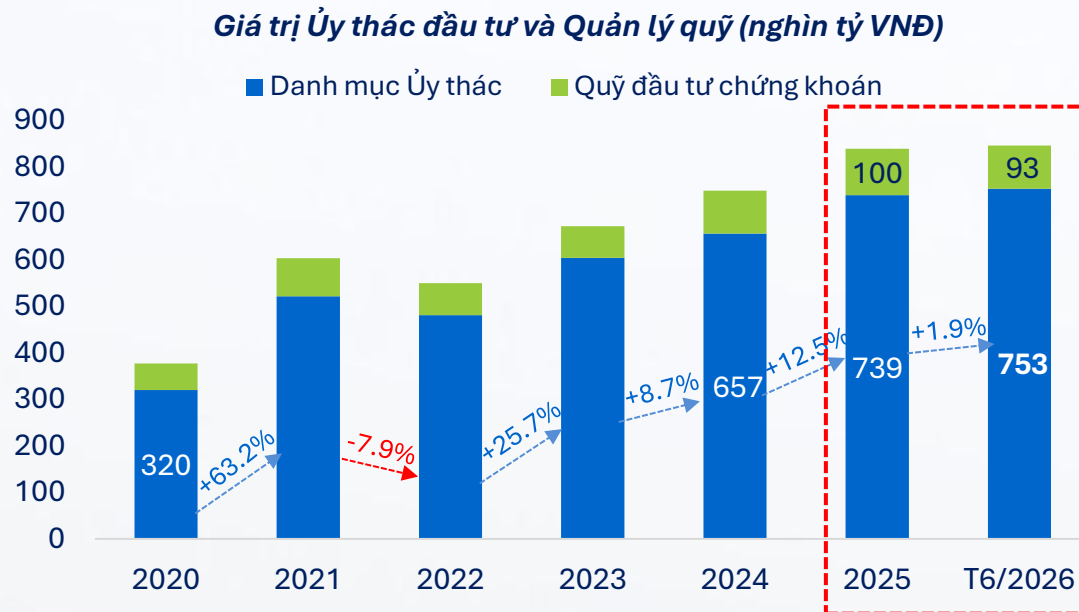
Nguồn: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN), BCTC và Báo cáo thường niên 2025 của 43 công ty quản lý quỹ nội được UBCKNN cấp phép.

- AUM toàn ngành tập trung ở nhóm CTQLQ gắn với các định chế tài chính lớn ngành Bảo hiểm và Ngân hàng. Cụ thể, nhóm liên quan đến bảo hiểm chiếm 70,5% tổng AUM toàn thị trường, trong khi top 5 CTQLQ nắm khoảng 71% tổng AUM, bao gồm Eastspring Investments, Bảo Việt, Manulife Investment Việt Nam, Dai-ichi Life Việt Nam và Dragon Capital Việt Nam.
- Sự tập trung này phần lớn phản ánh đặc thù của mảng quản lý danh mục ủy thác. Các CTQLQ gắn với bảo hiểm chiếm tới 78,3% (~578 nghìn tỷ đồng) mảng quản lý danh mục ủy thác, trong khi cấu trúc của nghiệp vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phân tán hơn và nhóm sở hữu nước ngoài chiếm tỷ trọng lớn.

Tăng trưởng AUM chủ yếu dựa vào nguồn vốn ủy thác

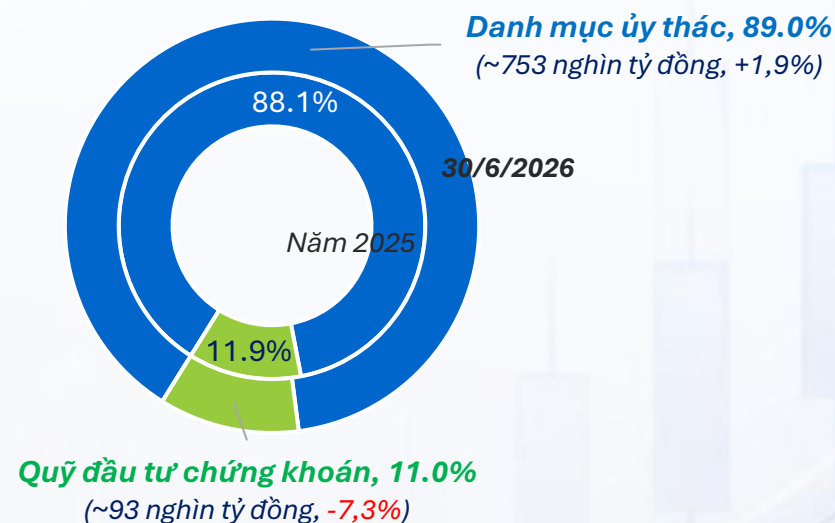
Nguồn vốn ủy thác chiếm ~88% AUM toàn ngành trong khi sản phẩm quỹ duy trì tỷ trọng nhỏ

Biểu đồ 5: Hoạt động quản lý danh mục ủy thác đóng góp chính vào tăng trưởng AUM toàn ngành



Biểu đồ 6: Danh mục ủy thác duy trì tỷ trọng 88%-89% tổng AUM toàn ngành

Cơ cấu AUM theo nghiệp vụ quản lý



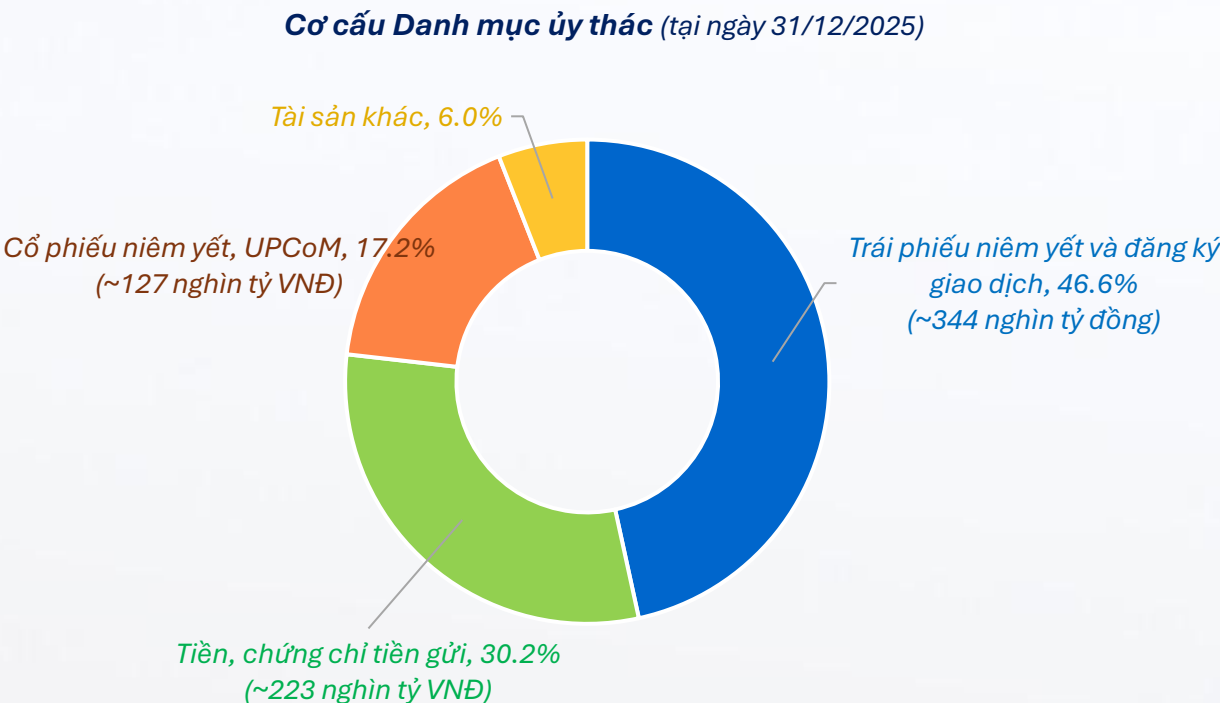
Nguồn: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN), FiinPro-X Platform. Ghi chú: Quy mô AUM theo nghiệp vụ được cập nhật đến cuối tháng 6/2026 từ 43 công ty quản lý quỹ nội được UBCKNN cấp phép.

- Danh mục ủy thác tiếp tục chi phối quy mô AUM toàn ngành, đạt 753 nghìn tỷ đồng tại thời điểm cuối tháng 6/2026, tương đương 89% tổng AUM, gần như không đổi so với năm 2025 (88,1%) và 2024 (87,7%). Trong khi đó, hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán chỉ chiếm 11% (~93 nghìn tỷ đồng), cho thấy quy mô ngành hiện vẫn chủ yếu được dẫn dắt bởi nguồn vốn ủy thác từ các nhà đầu tư tổ chức, thay vì sự mở rộng của các sản phẩm quỹ.
- Dư địa tăng trưởng dài hạn nằm ở việc mở rộng tỷ lệ tham gia và quy mô tài sản đầu tư qua quỹ. Khi thu nhập, tài sản tài chính và kênh phân phối tiếp tục phát triển, dòng tiết kiệm có dư địa dịch chuyển nhiều hơn sang các quỹ đầu tư chứng khoán, qua đó mở rộng nền tảng nhà đầu tư và tạo nguồn tăng trưởng AUM đa dạng, bền vững hơn cho ngành.

Danh mục ủy thác chủ yếu là tài sản có tính phòng thủ cao

Khoảng 77% giá trị danh mục ủy thác là Trái phiếu Chính phủ, Tiền gửi và Chứng chỉ tiền gửi

Biểu đồ 7: Danh mục ủy thác tập trung chủ yếu ở trái phiếu niêm yết (phần lớn là Trái phiếu Chính phủ) và Tiền gửi, Chứng chỉ tiền gửi



- Quy mô danh mục ủy thác tiếp tục mở rộng, đạt khoảng 739 nghìn tỷ đồng cuối năm 2025, tăng +12,5% YoY – cao hơn mức tăng 8,7% của năm 2024.
- Tuy nhiên, cơ cấu danh mục ủy thác mang tính phòng thủ cao: trái phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch (phần lớn là TPCP) chiếm 46,6%, tiền và chứng chỉ tiền gửi 30,2%, trong khi cổ phiếu niêm yết và UpCoM chỉ chiếm 17,2%. Tổng cộng, trái phiếu và tiền chiếm gần 77% danh mục, phù hợp với đặc điểm nguồn vốn tổ chức và yêu cầu ưu tiên thanh khoản, bảo toàn vốn và quản lý nghĩa vụ dài hạn.
- Cơ cấu này cho thấy AUM lớn của mảng ủy thác không đồng nghĩa với mức độ tham gia tương ứng vào thị trường cổ phiếu. Ngược lại, quy mô tài sản lớn và thiên về các công cụ thu nhập cố định cho thấy dư địa để ngành Quản lý Quỹ trở thành nguồn vốn tổ chức dài hạn quan trọng hơn cho thị trường trái phiếu.

Nguồn: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN), FiinPro-X Platform. Ghi chú: Tổng giá trị Tài sản quản lý (AUM) được cập nhật đến cuối tháng 6/2026 từ 43 công ty quản lý quỹ nội được UBCKNN cấp phép.

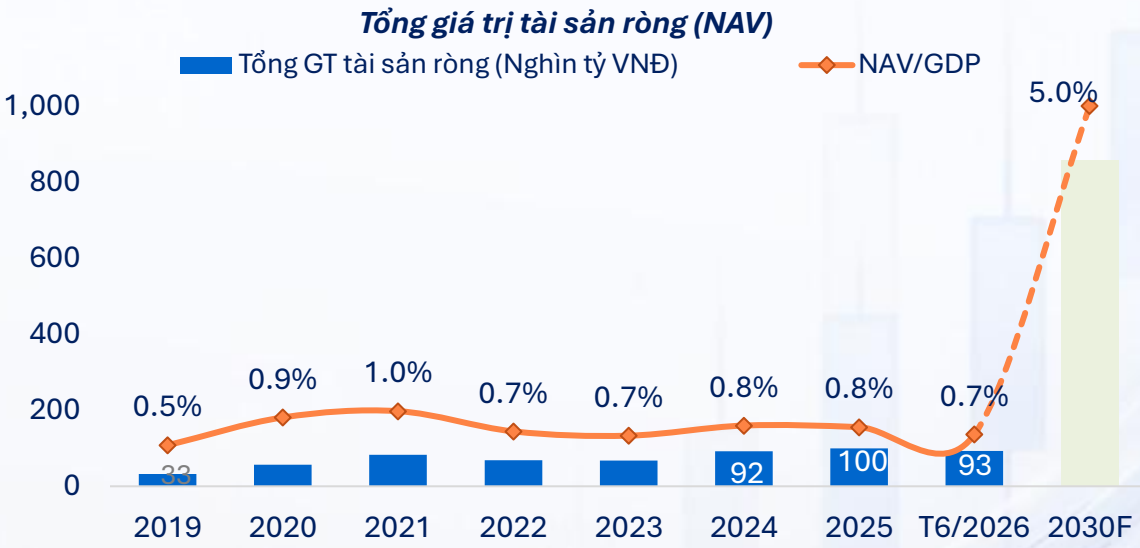
Nhóm quỹ đầu tư: Số lượng tăng, nhưng quy mô NAV còn nhỏ

Số lượng quỹ đầu tư tăng gấp 3 trong 8 năm, nhưng quy mô tài sản ròng (NAV) chỉ ~0,7% GDP

Biểu đồ 8: Số lượng quỹ đầu tư chứng khoán được UBCKNN cấp phép qua các năm gần đây



Biểu đồ 9: Quy mô tài sản ròng tăng chậm



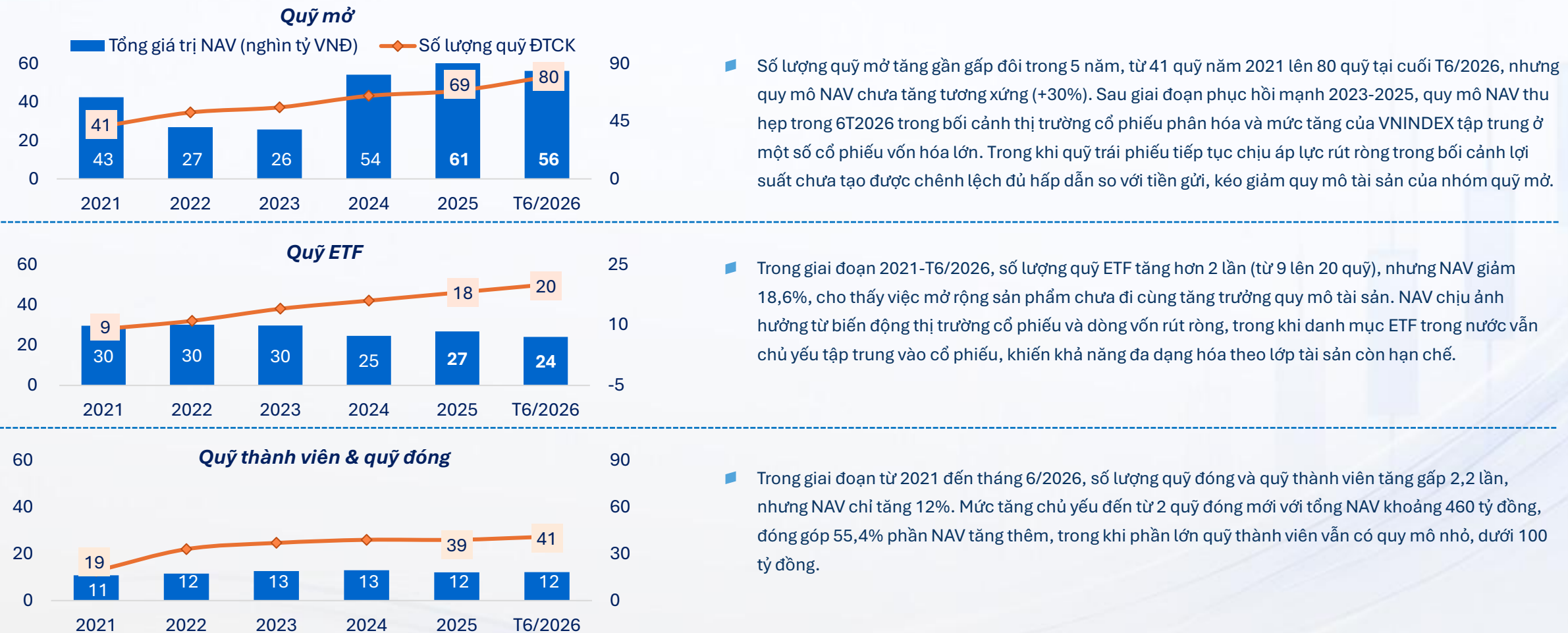
Nguồn: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN), FiinPro-X Platform. Ghi chú: Số lượng và NAV được cập nhật đến cuối tháng 6/2026 từ 141 quỹ đầu tư chứng khoán được UBCKNN cấp phép, bao gồm 80 quỹ mở (NAV ~56 nghìn tỷ đồng), 20 quỹ ETF (NAV ~24 nghìn tỷ đồng), 40 quỹ thành viên & quỹ đóng (NAV ~12 nghìn tỷ đồng), 1 quỹ đóng Bất động sản (NAV ~53,3 tỷ đồng). Số liệu và Dự báo năm 2030 được thống kê và ước tính theo mục tiêu được nêu trong Quyết định số 3168/QĐ-BTC ngày 12/9/2025 của Bộ Tài chính phê duyệt Đề án Tái cấu trúc nhà đầu tư và phát triển ngành QLQ đầu tư chứng khoán.

- Số lượng quỹ tăng nhanh nhưng quy mô NAV mở rộng không đáng kể: Số quỹ đầu tư chứng khoán tăng từ 46 quỹ năm 2019 lên 141 quỹ vào cuối tháng 6/2026; trong khi tổng NAV tăng lên 100 nghìn tỷ đồng cuối 2025 trước khi giảm còn 93 nghìn tỷ đồng vào cuối tháng 6/2026 do diễn biến kém thuận lợi và áp lực rút ròng kéo dài trên TTCK.
- Quy mô NAV các quỹ đầu tư chứng khoán hiện tương đương khoảng 0,7-0,8% GDP, vẫn còn khá nhỏ so với quy mô vốn hóa TTCK/GDP (~78,3%) và dư nợ TPDN đang lưu hành/GDP (~11% GDP).

Số lượng quỹ tập trung ở các loại hình truyền thống

Khoảng 71% quỹ đầu tư đang hoạt động thuộc loại hình quỹ mở và ETF

Biểu đồ 10: Số lượng quỹ gia tăng ở hầu hết các loại hình, trong khi sự mở rộng NAV tập trung ở nhóm quỹ mở

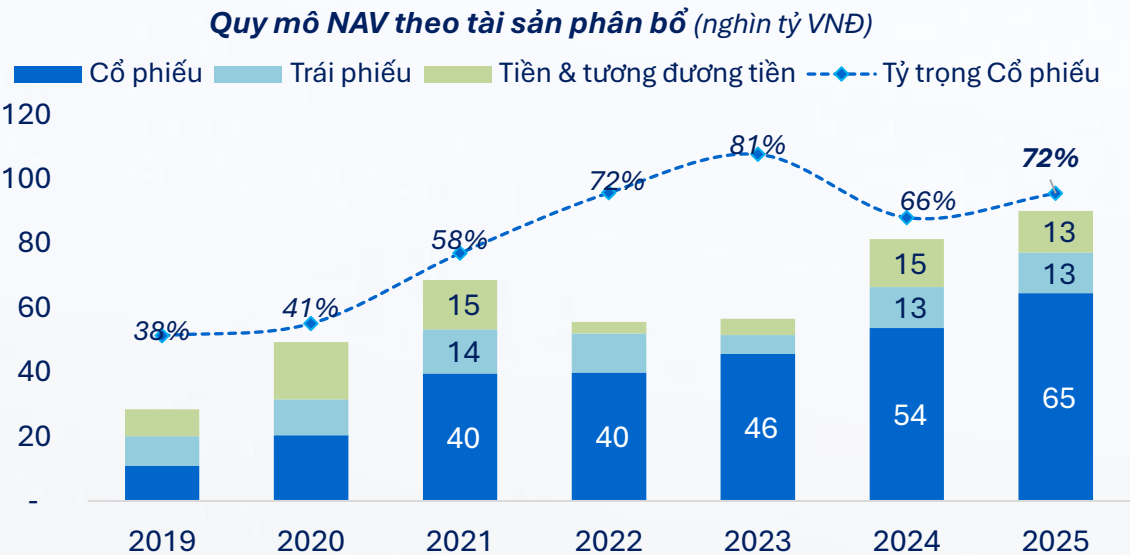


Nguồn: UBCKNN, FiinPro-X Platform. Ghi chú: Số lượng và NAV được cập nhật đến cuối tháng 6/2026 từ 141 quỹ đầu tư chứng khoán được UBCKNN cấp phép, bao gồm 80 quỹ mở (NAV ~56 nghìn tỷ đồng), 20 quỹ ETF (NAV ~24 nghìn tỷ đồng), 40 quỹ thành viên & quỹ đóng (NAV ~12 nghìn tỷ đồng), 1 quỹ đóng Bất động sản (NAV ~53,3 tỷ đồng).

Cơ cấu NAV vẫn chưa đa dạng theo lớp tài sản

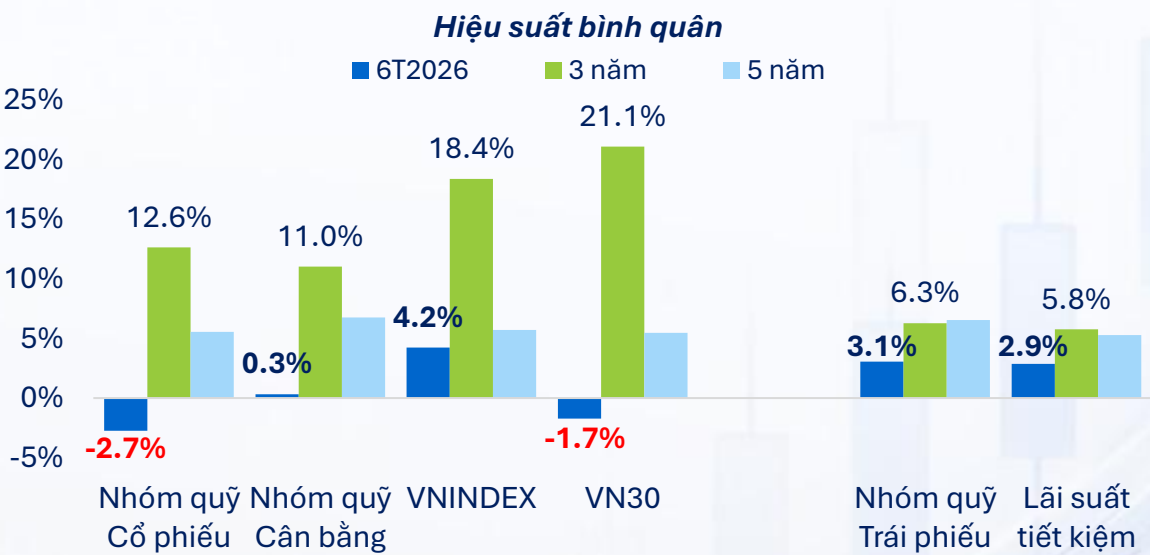
Hơn 70% tài sản của các quỹ đầu tư được phân bổ vào cổ phiếu

Biểu đồ 11: Theo tài sản phân bổ, tỷ trọng cổ phiếu duy trì >60% trong giai đoạn 2022-2025



Nguồn: FiinPro-X Platform. Ghi chú: Dữ liệu được cập nhật đến cuối tháng 12/2025 từ 92/126 quỹ đầu tư chứng khoán được UBCKNN cấp phép, với tổng NAV ~88,7 nghìn tỷ VNĐ (~89% quy mô NAV toàn ngành).

Biểu đồ 12: Do đó, hiệu suất đầu tư biến động mạnh theo chu kỳ thị trường chứng khoán

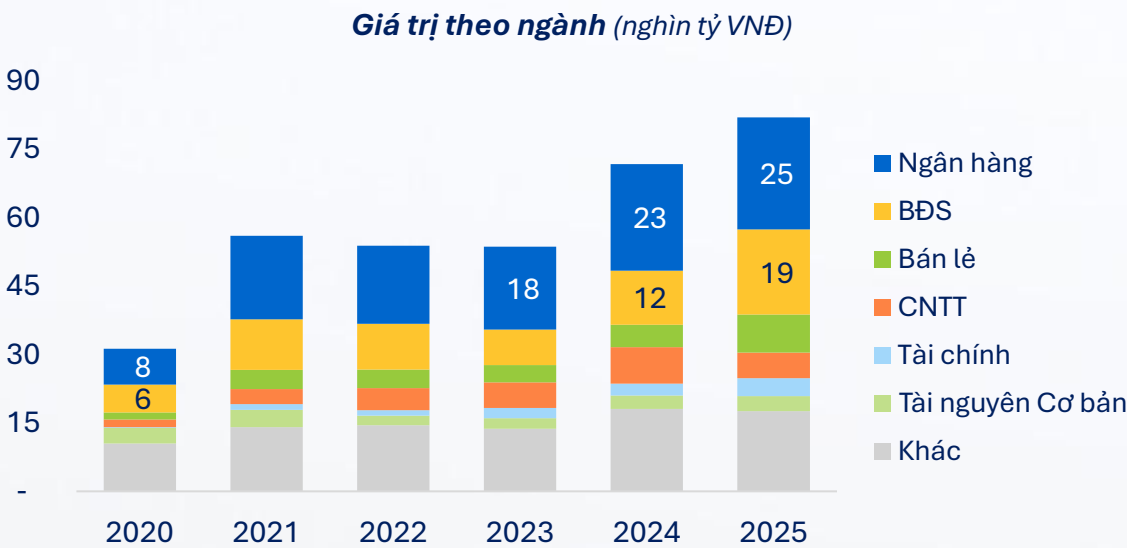


Nguồn: FiinPro-X Platform. Ghi chú: Hiệu suất bình quân được tính theo CAGR trung vị của các quỹ mở trong từng nhóm quỹ (Cổ phiếu, Trái phiếu và Cân bằng) và chỉ bao gồm loại hình quỹ mở. Lãi suất tiết kiệm là trung bình lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng tại 4 ngân hàng (VCB, BIDV, VietinBank và Agribank) và được tính cho từng khung thời gian cụ thể.

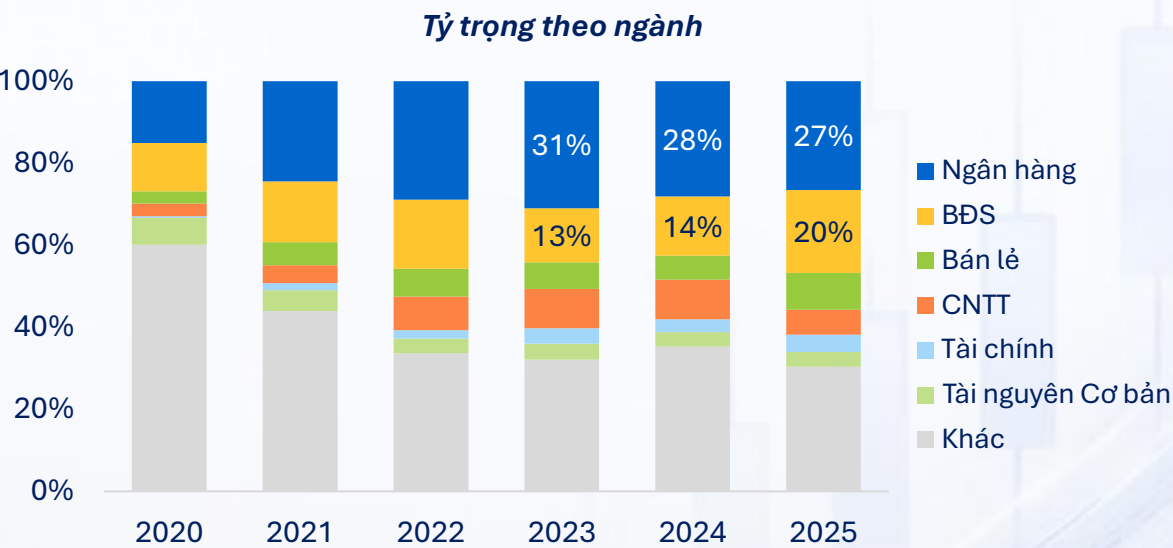
- Cổ phiếu tiếp tục chiếm tỷ trọng chủ đạo: Năm 2025, cổ phiếu chiếm khoảng 72% NAV theo phân lớp tài sản; xét theo chiến lược, nhóm quỹ cổ phiếu chiếm khoảng 71% tổng NAV, so với khoảng 20% ở quỹ trái phiếu. Cơ cấu hiện tại cũng cho thấy dư địa đa dạng hóa sản phẩm còn lớn, đặc biệt với quỹ trái phiếu, cân bằng, thị trường tiền tệ, hưu trí và các giải pháp tích lũy dài hạn.
- Do cơ cấu tài sản nghiêng về cổ phiếu, hiệu suất và NAV của các quỹ đầu tư, đặc biệt nhóm quỹ Cổ phiếu, nhạy hơn với chu kỳ thị trường. Ngược lại, nhóm quỹ Trái phiếu duy trì hiệu suất ổn định hơn qua các khung thời gian, bình quân 6,3%/năm trong 3 năm và 6,6%/năm trong 5 năm.

Ngân hàng và Bất động sản chiếm gần 50% danh mục của các quỹ đầu tư chứng khoán

Biểu đồ 13: Giá trị đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu ngành Ngân hàng và Bất động sản tiếp tục gia tăng trong giai đoạn 2023-2025



Biểu đồ 14: Ngân hàng và Bất động sản chiếm 47% tổng giá trị danh mục đầu tư



Nguồn: FiinPro-X Platform. Ghi chú: Dữ liệu được cập nhật đến cuối tháng 12/2025 từ 99/126 quỹ đầu tư chứng khoán được UBCKNN cấp phép, với tổng NAV ~91 nghìn tỷ VNĐ (~91% quy mô NAV toàn ngành).

- Danh mục đầu tư tập trung chủ yếu vào ngành Ngân hàng và Bất động sản, chiếm khoảng 47% tổng giá trị danh mục năm 2025. Đáng chú ý, tỷ trọng Bất động sản tăng từ 13% năm 2023 lên 20% năm 2025, trong khi Ngân hàng giảm từ 31% xuống 27%.
- Mức độ tập trung này phần nào phản ánh cấu trúc vốn hóa và thanh khoản của thị trường chứng khoán Việt Nam, khi Ngân hàng và Bất động sản là hai ngành có quy mô lớn và hiện diện đáng kể trong các chỉ số thị trường.
- Về dài hạn, tăng trưởng AUM sẽ đặt ra yêu cầu mở rộng chiều sâu của thị trường. Nếu nguồn cung cổ phiếu có quy mô, thanh khoản và tỷ lệ tự do chuyển nhượng phù hợp không tăng tương ứng, các quỹ lớn có thể đối mặt với giới hạn về khả năng giải ngân và mức độ đa dạng hóa danh mục.



FiinGroup
ENLIGHTEN THE MARKET



FIOT
WEALTH FOR LIFE

Phần 2

BA XU HƯỚNG ĐỊNH HÌNH NGÀNH QUẢN LÝ QUỸ



Xu hướng #1: Đổi mới sản phẩm dịch chuyển từ “thêm quỹ” sang mở rộng cấu trúc và lớp tài sản

Bảng 1: Theo chiến lược đầu tư, nhóm quỹ cổ phiếu chiếm tỷ trọng áp đảo cả về số lượng và quy mô

CHIẾN LƯỢC	SL QUỸ NỘI	NAV		HIỆU SUẤT	SỐ LƯỢNG NĐT CCQ		TRIỂN VỌNG	
		30/6/2026 +/- 2 năm		(3 năm)	30/7/2026	+/- 2 năm		
		(30/6/2026)	Tỷ VNĐ	Tỷ VNĐ	%	NĐT		NĐT
Quỹ Cổ phiếu	87	64,031	10,158	72%	501,455	224,519	TÍCH CỰC	Tiếp tục là nhóm chủ đạo, hiện chiếm khoảng 70% NAV; triển vọng được hỗ trợ bởi tăng trưởng TTCK và khả năng mở rộng dòng vốn sau nâng hạng. Tuy nhiên, tỷ trọng cổ phiếu cao khiến hiệu suất quỹ nhạy với biến động thị trường, trong khi VNINDEX tập trung vào một số cổ phiếu vốn hóa lớn làm gia tăng rủi ro tập trung.
Quỹ Trái phiếu	28	12,356	(10,797)	22%	150,633	29,126	TÍCH CỰC	NAV quỹ trái phiếu hiện chỉ tương đương ~0,9% giá trị TPDN lưu hành, cho thấy dư địa tăng trưởng còn lớn; tuy nhiên, việc thiếu bộ chỉ số trái phiếu đủ chuẩn đang hạn chế khả năng phát triển ETF trái phiếu tại Việt Nam.
Quỹ Cân bằng	20	9,266	1,220	50%	51,307	25,004		Quy mô khiêm tốn, ~10% tổng NAV toàn thị trường. Dư địa tăng trưởng hạn chế do quỹ cân bằng chưa tạo được lợi thế cạnh tranh rõ rệt so với quỹ Cổ phiếu.
Quỹ ESG	2	3,343	1,427	77%	6,374	1,578		Hiện Việt Nam mới có 2 quỹ ESG được UBCKNN cấp phép, với NAV ~3,4 nghìn tỷ, thấp hơn đáng kể so với Thái Lan, Malaysia, Indonesia. Dư địa tăng trưởng lớn, nhưng bị giới hạn bởi nguồn cung tài sản đạt chuẩn ESG mỏng, chất lượng dữ liệu và công bố chưa đồng đều.
Quỹ Hưu trí	7	2,395	951	n/a	22,987	2,519		Quy mô nhỏ với NAV gần 2,4 nghìn tỷ đồng (~0,2% tổng số dư đầu tư của quỹ BHXH). Độ bao phủ tại doanh nghiệp và người lao động thấp; danh mục chủ yếu là TPCP giúp ưu tiên an toàn vốn nhưng cũng hạn chế dư địa cải thiện lợi suất. Triển vọng mở rộng phụ thuộc nhiều vào ưu đãi thuế, mức độ tham gia của doanh nghiệp và tính linh hoạt của sản phẩm.
Quỹ Thị trường tiền tệ	1	Quỹ UMMF của UOBAM Việt Nam vừa kết thúc thực hiện IPO						UOBAM Việt Nam tiên phong triển khai quỹ thị trường tiền tệ khi vừa kết thúc đợt IPO quỹ United Money Market Fund (UMMF), bổ sung sản phẩm cho phân khúc quản lý dòng tiền ngắn hạn, thanh khoản cao và rủi ro thấp sau khi khung pháp lý mới cho loại hình này có hiệu lực. Tiềm năng phụ thuộc vào mức lợi suất tương đối so với tiền gửi và khả năng phân phối rộng tới NĐT cá nhân.
Các quỹ khác	3	n.a	n.a	n.a	n.a	n.a		
TỔNG	149	91,444	2,968		733,135	282,756		

Xu hướng #1: Đổi mới sản phẩm dịch chuyển từ “thêm quỹ” sang mở rộng cấu trúc và lớp tài sản

Bảng 2: Theo loại hình quỹ, cơ cấu sản phẩm tập trung ở quỹ mở và ETF trong khi các cấu trúc khác còn hạn chế

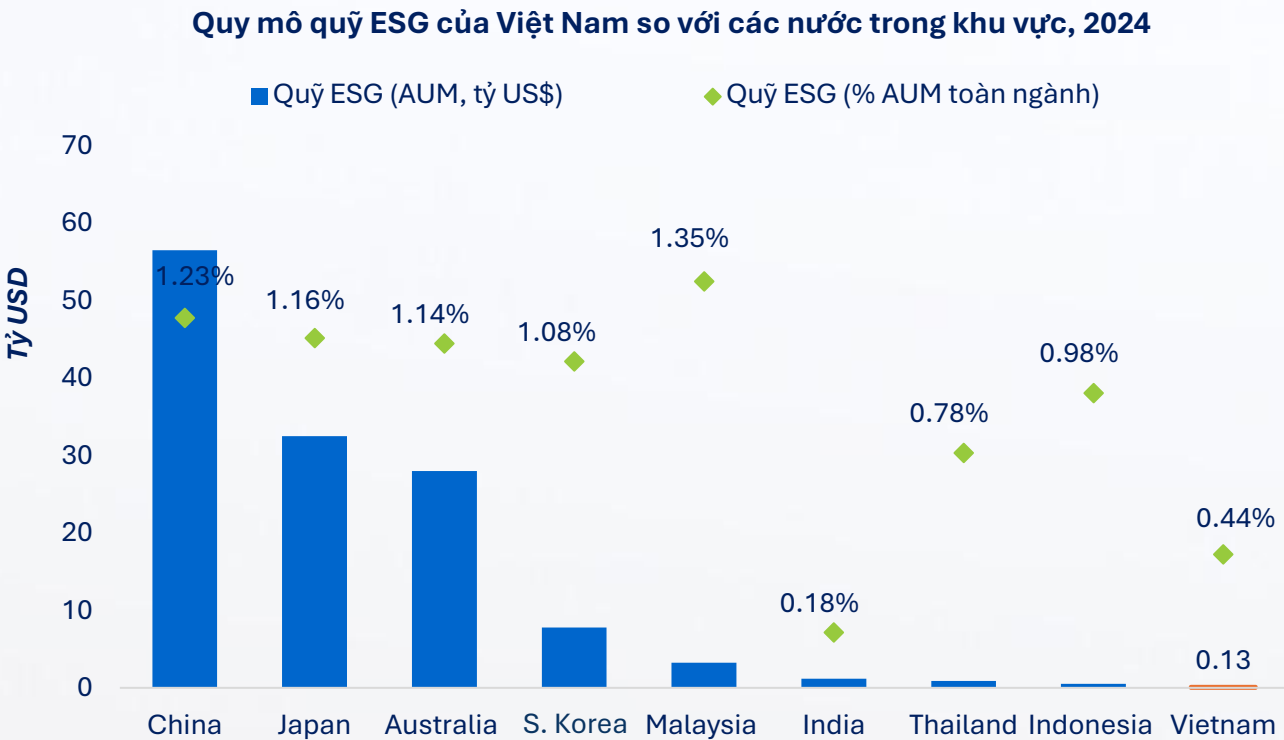
LOẠI HÌNH	SL QUỸ NỘI	NAV		HIỆU SUẤT (3 năm) %	SỐ LƯỢNG NĐT CCQ		TRIỂN VỌNG
		30/6/2026	+/- 2 năm		30/7/2026	+/- 2 năm	
		Tỷ VNĐ	Tỷ VNĐ		NĐT	NĐT	
Quỹ mở	88	58,811	2,974	n/a	665,759	251,623	TÍCH CỰC Cơ sở nhà đầu tư quỹ mở tiếp tục mở rộng, với hơn 251 nghìn NĐT tăng thêm trong 2 năm, tạo nền tảng để các công ty QLQ mở rộng từ các sản phẩm cổ phiếu, trái phiếu truyền thống sang các chiến lược theo mục tiêu, khẩu vị rủi ro và vòng đời đầu tư khác nhau, đồng thời tận dụng các kênh phân phối số để tiếp cận tệp NĐT rộng hơn.
Quỹ ETF	20	24,072	(518)	107%	66,997	31,123	TÍCH CỰC Cơ sở NĐT ETF tăng 59% từ đầu năm 2026, vượt xa quỹ mở (16%), nhờ có thêm quỹ mới và mở rộng tệp NĐT ở các quỹ hiện hữu; xu hướng toàn cầu về sản phẩm chi phí thấp, minh bạch và dễ tiếp cận tiếp tục hỗ trợ triển vọng ETF tại Việt Nam.
Quỹ thành viên	37	7,794	376	n/a	n/a	n/a	
Quỹ đóng	3	714	126	n/a	n/a	n/a	
Quỹ BĐS	1	53	9	48%	379	10	Sau gần 10 năm, TCREIT vẫn là quỹ BĐS niêm yết duy nhất, NAV chỉ ~50 tỷ đồng và chủ yếu đầu tư cổ phiếu BĐS. Điều này cho thấy mô hình REIT thực thụ tại Việt Nam chưa hình thành, do hạn chế về nguồn tài sản, vốn, định giá và thanh khoản
TỔNG	149	91,444	2,968		733,135	282,756	

Nguồn: FiinPro-X Platform.

- Ngành Quản lý Quỹ hiện vẫn tập trung chủ yếu ở cổ phiếu và trái phiếu, trong khi các sản phẩm như quỹ hạ tầng, quỹ nợ, quỹ bất động sản, quỹ đầu tư vào quỹ và quỹ đa tài sản còn hạn chế.
- Với ETF, thị trường trong nước vẫn chủ yếu là ETF thụ động, dù cơ sở nhà đầu tư đang mở rộng nhanh.
- Dư địa tăng trưởng nằm ở việc mở rộng cấu trúc quỹ và lớp tài sản, đặc biệt với ETF theo ngành/chủ đề, ESG, trái phiếu và xa hơn là ETF chủ động.

Xu hướng #1: Đổi mới sản phẩm dịch chuyển từ “thêm quỹ” sang mở rộng cấu trúc và lớp tài sản

Biểu đồ 15: Tỷ trọng AUM của nhóm quỹ ESG tại Việt Nam thấp hơn đáng kể so với các quốc gia trong khu vực



Nguồn: FiinGroup tổng hợp từ OECD, Morningstar, Securities Commission Malaysia, Asset Management Association China, China SIF, Securities and Future Commission, Asia Asset Management. Ghi chú: Dữ liệu được cập nhật cho năm 2024, chỉ bao gồm các quỹ trong nước/quỹ dành cho nhà đầu tư cá nhân.

- Quy mô quỹ ESG tại Việt Nam vẫn rất nhỏ:** Hiện Việt Nam mới có 2 quỹ ESG được UBCKNN cấp phép, với tổng AUM gần 121 triệu USD, ~0,5% tổng AUM toàn ngành và gần như không thay đổi so với mức 0,44% năm 2024. Quy mô này vẫn thấp hơn đáng kể so với một số thị trường trong khu vực như Malaysia, Singapore và Thái Lan. Một trong những yếu tố hạn chế khả năng mở rộng của quỹ ESG là danh mục tài sản có thể đầu tư còn mỏng, riêng trái phiếu xanh và bền vững mới chiếm khoảng 2,2% tổng dư nợ TPDN tại cuối năm 2025.
- Nhu cầu vốn xanh lớn đang tạo động lực mở rộng nguồn cung tài sản cho các quỹ ESG:** Theo WB (2022), Việt Nam cần khoảng 368 tỷ USD vốn đầu tư bổ sung đến năm 2040 cho thích ứng khí hậu và giảm phát thải; trong khi Kế hoạch Huy động Nguồn lực JETP công bố năm 2023 cam kết khoảng 15,8 tỷ USD cho chuyển dịch năng lượng. Nhu cầu huy động vốn lớn từ doanh nghiệp và các dự án chuyển đổi xanh có thể thúc đẩy phát hành trái phiếu xanh, trái phiếu bền vững và mở rộng nhóm doanh nghiệp gắn với quá trình chuyển đổi, qua đó từng bước mở rộng tập tài sản đủ điều kiện cho các quỹ ESG.
- Khung chính sách và hạ tầng thông tin ESG cần tiếp tục hoàn thiện:** Danh mục phân loại xanh có hiệu lực từ T8/2025 tạo cơ sở thống nhất hơn để nhận diện hoạt động và dự án xanh. Dư địa phát triển quỹ ESG sẽ lớn hơn nếu công bố thông tin ESG của doanh nghiệp được chuẩn hóa và đồng đều hơn, đồng thời thị trường phát triển thêm các bộ chỉ số ESG, hệ thống chấm điểm/xếp hạng ESG độc lập và benchmark phù hợp. Các công cụ này giúp giảm bất cân xứng thông tin, hỗ trợ sàng lọc và so sánh tài sản, đồng thời tạo nền tảng cho CTQLQ phát triển sản phẩm ESG theo cả chiến lược chủ động và thụ động.
- Dòng vốn tổ chức quốc tế có thể tạo thêm cầu đầu tư và hỗ trợ mở rộng quy mô thị trường ESG:** Năm 2024, IFC cam kết 310 triệu USD vốn dài hạn cho các dự án liên quan đến khí hậu tại Việt Nam. Khi nguồn tài sản xanh và hạ tầng thông tin được cải thiện, nhu cầu đầu tư từ DFIs, Impact Funds và NGT tổ chức có thể hỗ trợ phát triển quỹ ESG, quỹ trái phiếu xanh và các chiến lược đầu tư tác động tại Việt Nam.

Xu hướng #2: Dòng vốn quốc tế mở rộng cơ hội cho các nhà quản lý quỹ nội địa

Bảng 3: Vốn ngoại có xu hướng gia tăng sau nâng hạng, nhưng phân hóa giữa các thị trường

Quốc gia	Các chỉ tiêu	Đơn vị	-1Y	-6M	0	+6M	+1Y	+3Y	+5Y
Saudi Arabia	Vốn hóa	tỷ USD	437	459	499	507	556	2,568	2,660
	GTGD bình quân/phiên	tỷ USD	0.9	1.0	1.2	0.9	0.9	1.6	1.7
	KLGD bình quân/phiên	tỷ cổ phiếu	0.2	0.2	0.2	0.1	0.1	0.2	0.2
	Dòng vốn ngoại	tỷ USD	(1)	(1)	1	1	2	27	43
	Cơ cấu NĐT tổ chức	%	20.2%	33.0%	28.6%	28.2%	33.0%	12.3%	37.7%
Kuwait	Vốn hóa	tỷ USD	81	91	99	96	95	103	151
	GTGD bình quân/phiên	tỷ USD	0.1	0.1	0.1	0.0	0.1	0.1	0.1
	KLGD bình quân/phiên	tỷ cổ phiếu	0.2	0.2	0.1	0.1	0.1	0.1	0.2
	Dòng vốn ngoại	tỷ USD	0	0	0	0	0	3	6
	Cơ cấu NĐT tổ chức	%	41.8%	25.7%	35.6%	43.5%	51.5%	25.2%	43.2%
Thái Lan	Vốn hóa	tỷ USD	260	280	240	319	349	445	415
	GTGD bình quân/phiên	tỷ USD							
	KLGD bình quân/phiên	tỷ cổ phiếu	4.5	4.5	4.1	4.1	4.3	8.2	9.6
	Dòng vốn ngoại	tỷ USD	2	0	(1)	4	3	(3)	(4)
	Cơ cấu NĐT tổ chức	%							
Trung Quốc	Vốn hóa	tỷ USD	4,921	5,126	4,376	5,017	4,580	7,074	6,380
	GTGD bình quân/phiên	tỷ USD	180.2	177.3	136.2	161.0	168.4	215.7	
	KLGD bình quân/phiên	tỷ cổ phiếu	21.0	19.4	15.0	27.9	28.9	39.8	
	Dòng vốn ngoại	tỷ USD		(0)	8	65			
	Cơ cấu NĐT tổ chức	%							
Việt Nam	Vốn hóa	tỷ USD	285	345	369	401			
	GTGD bình quân/phiên	tỷ USD	1.3	1.2	1.1	0.8			
	KLGD bình quân/phiên	tỷ cổ phiếu	1.2	1.1	0.9	0.8			
	Dòng vốn ngoại	tỷ USD	(5.4)	(2.4)	(0.02)	FTSE Russell ước tính vốn ngoại vào Việt Nam từ các quỹ chủ động và bị động có thể đạt ~6 tỷ USD			
	Cơ cấu NĐT tổ chức	%	49.1%	48.0%	48.5%				

- Dòng vốn vào thị trường có thể tăng đáng kể sau nâng hạng: FTSE Russell ước tính Việt Nam có thể thu hút khoảng 6 tỷ USD (~157 nghìn tỷ đồng) từ cả quỹ chủ động và thụ động. Kinh nghiệm Saudi Arabia cho thấy dòng vốn ngoại có thể tiếp tục tích lũy sau nâng hạng, đạt 27 tỷ USD sau 3 năm và 43 tỷ USD sau 5 năm; Kuwait đạt khoảng 3-6 tỷ USD.
- Cơ hội cho quỹ nội nằm nhiều hơn ở dòng vốn chủ động: Vốn thụ động chủ yếu đi trực tiếp vào cổ phiếu chỉ số, trong khi dòng vốn chủ động từ các quỹ đầu tư thị trường mới nổi và các nhà đầu tư tổ chức có thể tiếp cận Việt Nam thông qua các nhà quản lý quỹ nội địa, mô hình fund of funds (FoF) hoặc feeder fund (quỹ con), mở thêm nguồn AUM cho các công ty quản lý quỹ trong nước.
- Nâng hạng tạo cơ hội, nhưng không bảo đảm dòng vốn dài hạn: Khả năng chuyển sự quan tâm quốc tế thành AUM bền vững sẽ phụ thuộc vào track record, hiệu quả đầu tư, khả năng tiếp cận đầu tư, thanh khoản, minh bạch và chuẩn quản trị - vận hành. Điều này có thể thúc đẩy quá trình chuyên nghiệp hóa và nâng chuẩn ngành Quản lý Quỹ Việt Nam.

Nguồn: SGDCK Saudi Arabia, Boursa Kuwait, SGDCK Pakistan, SET, SSE, Bloomberg, FiinPro-X Platform.
Ghi chú: Thời điểm T0 là thời điểm diễn ra sự kiện “Chấp thuận nâng hạng”: **Saudi Arabia** được chấp thuận nâng hạng là vào tháng 3/2018 (bởi FTSE); **Kuwait** được chấp thuận nâng hạng là vào 9/2017 (bởi FTSE) và vào tháng 12/2019 (bởi MSCI); **Thái Lan** được chấp thuận nâng hạng là vào tháng 9/2011 (bởi FTSE); **Trung Quốc** được chấp thuận nâng hạng là vào tháng 9/2018 (bởi FTSE); TTCK Việt Nam được FTSE Russell chính thức xác nhận lộ trình nâng hạng lên thị trường mới nổi thứ cấp vào tháng 3/2026 (công bố đầu tháng 4/2026), và chính thức có hiệu lực phân bổ từ ngày 21/09/2026.

Xu hướng #3: Số hóa phân phối và chuyên nghiệp hóa cơ sở nhà đầu tư

Tăng trưởng ngành Quản lý Quỹ toàn cầu đang tạo đồng thời áp lực về khả năng mở rộng vận hành và trải nghiệm số của nhà đầu tư.



Nguồn: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN), BCG “Global Asset Management Report” (2026), PwC “Hybrid Wealth Management: Blending Digital and In-person” (2023), McKinsey & Company – The Age of Analytics

Quy mô tăng nhanh, vận hành chưa theo kịp và kỳ vọng nhà đầu tư thay đổi đang cùng lúc tạo áp lực nâng cấp hạ tầng số của ngành Quản lý Quỹ.

Xu hướng #3: Số hóa phân phối và chuyên nghiệp hóa cơ sở nhà đầu tư

Bài toán tăng trưởng cho ngành Quản lý Quỹ Việt Nam: đồng thời mở rộng AUM, cơ sở nhà đầu tư và danh mục sản phẩm, trong khi vẫn kiểm soát hiệu quả chi phí vận hành

Quy mô mở rộng nhưng hạ tầng chưa theo kịp:

846 nghìn tỷ AUM tại T6/2026 Tăng 2,6 lần so với năm 2019	6,2% AUM/GDP Gần như đi ngang nhiều năm
141 quỹ đang hoạt động Tăng từ 46 quỹ năm 2019	733 nghìn NĐT đang nắm giữ CCQ Mục tiêu: 2,5 triệu NĐT vào năm 2030

4 điểm nghẽn khi mở rộng quy mô:

Quy trình phân mảnh	Đầu tư, giao dịch, rủi ro và kế toán phối hợp qua Excel, email, hệ thống rời rạc.
Khối lượng thủ công tăng lên	Thêm tài khoản và giao dịch làm tăng công việc đối soát, kiểm tra và báo cáo.
Dữ liệu thiếu kết nối end-to-end	Vị thế, tiền, NAV và hiệu quả phân tán, khó cập nhật và đối chiếu kịp thời.
Khó mở rộng đa quỹ	Sản phẩm mới kéo theo quy trình riêng, khiến chi phí và thời gian triển khai tăng



Xu hướng #3: Số hóa phân phối và chuyên nghiệp hóa cơ sở nhà đầu tư

AI hỗ trợ nghiệp vụ dựa trên phân tích dữ liệu tin cậy, quy trình có kiểm chứng và phê duyệt của con người.

01 Hỗ trợ quyết định đầu tư

Nghiên cứu và giám sát danh mục

- Tóm tắt BCTC, tin tức và dữ liệu thị trường kèm nguồn đối chiếu
- Sàng lọc cơ hội, hỗ trợ xây dựng và phản biện luận điểm đầu tư
- Theo dõi danh mục, phân tích kịch bản và hỗ trợ tái cân bằng

Người quản lý danh mục kiểm chứng và quyết định đầu tư

02 AI trong vận hành

Tự động hóa theo ngoại lệ

- Quy tắc tự động đối soát giao dịch và kiểm tra giới hạn tuân thủ
- AI hỗ trợ phát hiện bất thường và phân tích chênh lệch NAV
- AI soạn dự thảo báo cáo, gợi ý hướng xử lý để người phụ trách duyệt

Quy tắc xử lý nghiệp vụ thường lệ
Con người phê duyệt ngoại lệ

03 Cá nhân hóa dịch vụ

Dịch vụ theo nhu cầu nhà đầu tư

- Tổng hợp mục tiêu đầu tư và hồ sơ rủi ro từ thông tin khách hàng
- Hỗ trợ tư vấn viên đề xuất sản phẩm, danh mục mẫu theo hồ sơ đã xác nhận
- Cá nhân hóa báo cáo hiệu quả và nội dung chăm sóc nhà đầu tư

Tư vấn viên kiểm tra tính phù hợp và duyệt nội dung gửi khách hàng

KIỂM SOÁT AI: BẢO MẬT DỮ LIỆU, PHÂN QUYỀN, KIỂM CHỨNG VÀ LƯU VẾT

Mục tiêu triển khai AI: giảm thời gian xử lý và sai sót, nâng chất lượng phục vụ nhà đầu tư.

Xu hướng #3: Số hóa phân phối và chuyên nghiệp hóa cơ sở nhà đầu tư

Từ phân phối chứng chỉ quỹ đến quản lý tài sản dựa trên phân tích dữ liệu: Nền tảng số trở thành “hạ tầng mềm” kết nối CTQLQ – kênh phân phối – nhà đầu tư.

MÔ HÌNH NỀN TẢNG 4 LỚP

Tầng 4 | Phân phối & giao diện nhà đầu tư

Cá nhân hóa trải nghiệm • đa kênh • hybrid advisory

Tầng 3 | Thực thi

Kết nối end-to-end • workflow trung tâm • tuân thủ nhúng

Tầng 2 | Ra quyết định

Analytics • fund screening / ranking • portfolio construction

Tầng 1 | Phân tích Dữ liệu

Chuẩn hóa dữ liệu đa nguồn • AI hỗ trợ tổng hợp/sàng lọc/tạo insights

30–50%

rút ngắn thời gian
từ dữ liệu đến
quyết định

x2–5

tăng tốc độ
ra quyết định

3 NĂNG LỰC QUYẾT ĐỊNH KHẢ NĂNG MỞ RỘNG AUM

01

Minh bạch hóa & so sánh

Dữ liệu chuẩn hóa, hiệu suất – rủi ro – ranking độc lập giúp NĐT hiểu và so sánh quỹ dễ hơn.

02

Cá nhân hóa & tư vấn

Risk profiling, model portfolio và tư vấn hybrid giúp chuyển từ chọn quỹ đơn lẻ sang phân bổ theo mục tiêu.

03

Mở rộng quy mô vận hành

Workflow end-to-end, OMS, giám sát và tuân thủ theo thời gian thực giúp phục vụ nhiều quỹ và NĐT hơn.

DATA → ANALYTICS → SELECTION → ALLOCATION → MONITORING

Mô hình cạnh tranh mới không dừng ở kênh số: Phân tích dữ liệu, ra quyết định, thực thi và giao diện NĐT cần được kết nối end-to-end.

Phần 3

CẨM NANG ĐẦU TƯ QUA QUỸ

Lưu ý quan trọng: Phần 3 – Cẩm nang đầu tư qua quỹ do FIDT thực hiện độc lập, tập trung cung cấp các kiến thức và công cụ thực tiễn hỗ trợ nhà đầu tư. **FiinGroup không tham gia tư vấn, khuyến nghị hoặc đưa ra quyết định đầu tư trong phần nội dung này.**



VÌ SAO NÊN ĐẦU TƯ QUA QUỸ?

Khi cơ hội đầu tư ngày càng mở rộng, thách thức của nhà đầu tư cá nhân không chỉ là tìm kiếm tài sản phù hợp, mà còn là duy trì đủ thời gian, vốn và chuyên môn để quản lý danh mục một cách nhất quán. Quỹ đầu tư giúp thu hẹp những hạn chế này bằng cách tập hợp vốn và đưa các quyết định đầu tư vào một quy trình quản lý chuyên nghiệp.

Đầu tư qua quỹ giúp nhà đầu tư bớt việc theo dõi từng tài sản, từ đó tập trung vào mục tiêu và chiến lược phân bổ tổng thể.

KHI TỰ ĐẦU TƯ

THIẾU THỜI GIAN THEO DÕI

Nhà đầu tư phải liên tục theo dõi doanh nghiệp, lãi suất, thị trường và điều chỉnh danh mục khi bối cảnh thay đổi.

VỐN HẠN CHẾ, DANH MỤC TẬP TRUNG

Với quy mô vốn hạn chế, việc phân bổ đồng thời vào nhiều tài sản hoặc nhiều tổ chức phát hành thường khó thực hiện.

HẠN CHẾ VỀ CHUYÊN MÔN

Nhà đầu tư cần tự thu thập thông tin, phân tích, định giá và chuyển kết quả nghiên cứu thành quyết định phân bổ phù hợp.



KHI ĐẦU TƯ QUA QUỸ

THEO DÕI CHUYÊN TRÁCH

Đội ngũ quản lý chuyên trách thực hiện việc nghiên cứu, theo dõi danh mục và điều chỉnh tỷ trọng trong phạm vi chiến lược đã công bố.

DANH MỤC ĐƯỢC PHÂN BỐ ĐA DẠNG

Nguồn vốn của nhiều nhà đầu tư được tập hợp, qua đó mở rộng phạm vi phân bổ và giảm mức độ phụ thuộc vào từng khoản đầu tư riêng lẻ.

QUY TRÌNH ĐẦU TƯ NHẤT QUÁN

Việc phân tích, lựa chọn tài sản, phân bổ và kiểm soát rủi ro được thực hiện theo chiến lược và quy trình đã xác định.

DANH MỤC QUỸ ĐƯỢC VẬN HÀNH THEO MỘT QUY TRÌNH ĐẦU TƯ NHẤT QUÁN

Nghiên cứu & phân tích

Lựa chọn tài sản

Phân bổ danh mục

Kiểm soát rủi ro

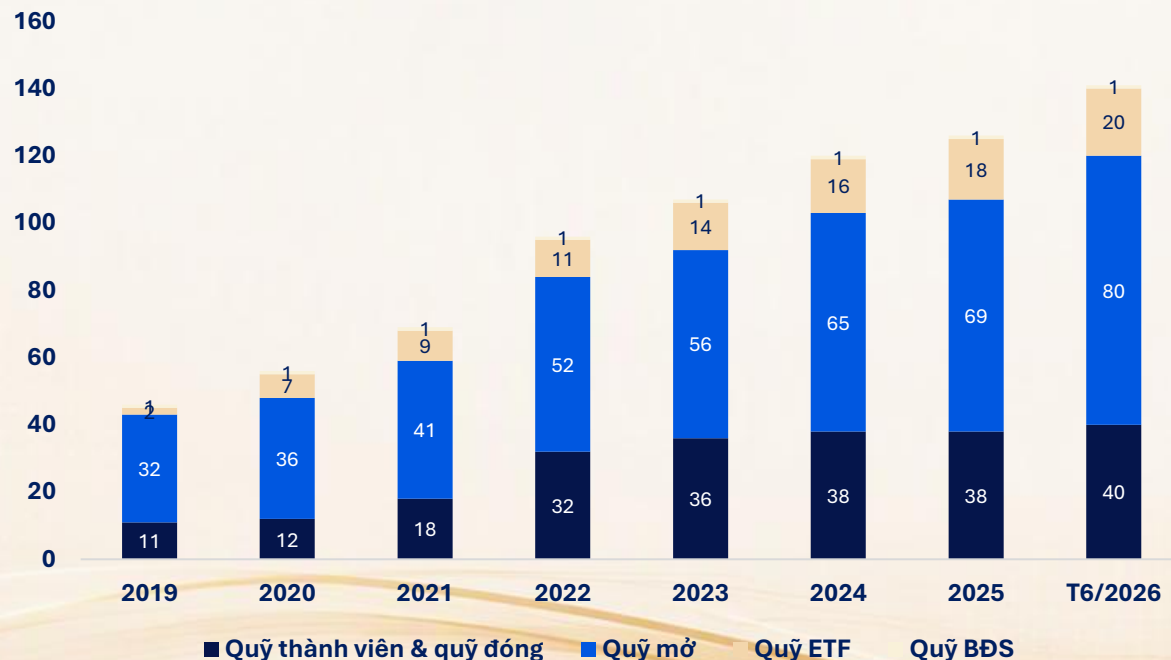
Theo dõi & tái cân bằng

THỊ TRƯỜNG QUỸ MỞ RỘNG NHANH, NHƯNG KHẢ NĂNG TIẾP CẬN CHƯA ĐỒNG NHẤT

Từ năm 2019 đến tháng 6/2026, số quỹ đầu tư chứng khoán tăng từ 46 lên 141; trong đó có 80 quỹ mở và 20 ETF. Tuy nhiên, các đơn vị phân phối các sản phẩm chứng chỉ quỹ đến nhà đầu tư cá nhân hầu hết chỉ cung cấp một phần sản phẩm, khiến phạm vi lựa chọn thực tế của nhà đầu tư nhỏ hơn đáng kể so với quy mô toàn thị trường.

Số lượng quỹ và AUM tăng chưa đồng nghĩa với khả năng tiếp cận của sản phẩm này đối với các NĐT cá nhân

Cơ cấu số lượng quỹ nội đang hoạt động



Nguồn: FiinProX, FIDT tổng hợp

Con số 80 quỹ mở và 20 quỹ ETF phản ánh tổng nguồn cung của thị trường, trong khi quyết định đầu tư thường chỉ diễn ra trong phạm vi sản phẩm được tích hợp tại kênh phân phối mà nhà đầu tư sử dụng

Thị trường quỹ Việt Nam hiện được phân phối qua ba nhóm kênh chính: công ty quản lý quỹ, ngân hàng và công ty chứng khoán, cùng các nền tảng phân phối đa quỹ. Mỗi kênh cung cấp một phạm vi sản phẩm khác nhau, vì vậy nơi thực hiện giao dịch không chỉ ảnh hưởng đến sự thuận tiện mà còn quyết định những quỹ nhà đầu tư có thể nhìn thấy và so sánh.

Sự phát triển của thị trường vì thế cần được đánh giá thêm qua mức độ mở của hệ thống phân phối và phạm vi sản phẩm thực sự đến được với nhà đầu tư cá nhân.

SO SÁNH CÁC KÊNH PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

Kênh phân phối quỹ tại các thị trường phát triển đang dịch chuyển theo hướng tập trung nhiều sản phẩm trên cùng một nền tảng.

Tại các thị trường phát triển, hoạt động phân phối đang dịch chuyển sang các nền tảng tập hợp sản phẩm của nhiều nhà quản lý. Theo Hiệp hội Đầu tư Anh, tỷ trọng doanh số bán quỹ bán lẻ qua nền tảng tăng từ 48.7% năm 2023 lên 53.0% năm 2025 và 54.8% trong quý II/2026. Ngược lại, tỷ trọng bán trực tiếp từ công ty quản lý quỹ giảm từ 4.0% xuống 1.5%. Việc tập hợp hầu hết các chứng chỉ quỹ trên cùng một hệ thống giúp các đơn vị tư vấn mở rộng phạm vi lựa chọn, đối chiếu các quỹ trên cùng mặt bằng và xây dựng danh mục mà không bị giới hạn trong sản phẩm của một tổ chức.

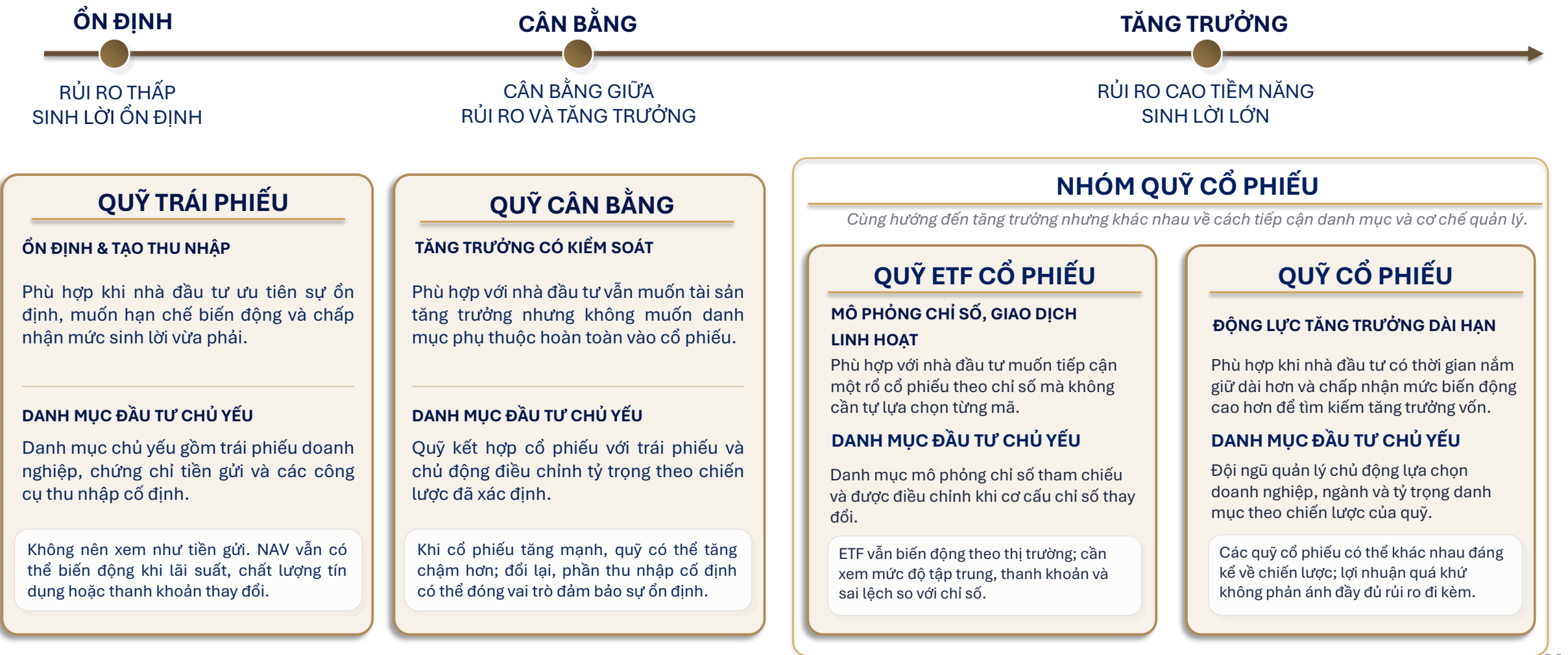
Sự dịch chuyển trên cho thấy nền tảng phân phối đang dần trở thành điểm tiếp xúc chính giữa nhà đầu tư và thị trường quỹ.

Tiêu chí	Công ty quản lý quỹ	Ngân hàng và công ty chứng khoán	Đơn vị tư vấn độc lập
Phạm vi quỹ	Quỹ do chính công ty quản lý	Quỹ thuộc hệ sinh thái hoặc đối tác	Quỹ của nhiều công ty quản lý
Khả năng so sánh	Hạn chế	Trong danh mục phân phối	So sánh trên cùng hệ thống dữ liệu
Lợi thế	Thông tin chuyên sâu	Thuận tiện trong hệ sinh thái	Lựa chọn theo nhu cầu của nhà đầu tư
Hạn chế	Chỉ có sản phẩm nội bộ	Có thể ưu tiên quỹ liên kết	Phụ thuộc độ bao phủ của nền tảng và tính minh bạch của tư vấn
Phù hợp với	Đã xác định quỹ muốn mua	Ưu tiên sự thuận tiện	Muốn được tư vấn, so sánh và kết hợp nhiều quỹ

Nguồn: FIDT tổng hợp

ĐẶC ĐIỂM CÁC LOẠI QUỸ MỞ VÀ ETF

Mỗi loại quỹ mang một cấu trúc lợi nhuận – rủi ro khác nhau, không có một loại quỹ phù hợp với mọi mục tiêu. Tùy vào tài sản nắm giữ và cách quỹ được quản lý, mỗi chiến lược sẽ tạo ra mức độ tăng trưởng, biến động và vai trò khác nhau trong danh mục.



KHẨU VỊ ĐẦU TƯ THỂ HIỆN QUA CÁCH QUỸ QUẢN LÝ DANH MỤC

Khoảng cách giữa VN-Index và chỉ số loại trừ nhóm Vingroup mở rộng rõ từ giữa năm 2025. Trong bối cảnh hiệu suất thị trường phụ thuộc nhiều vào một nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, các quỹ phải cân nhắc giữa việc nâng tỷ trọng để bám sát chỉ số hoặc giữ nguyên kỷ luật danh mục và chấp nhận chậm hơn thị trường trong ngắn hạn.

VN-Index tăng 40,9% trong năm 2025, nhưng các quỹ chủ động có lựa chọn rất khác nhau trước nhóm cổ phiếu dẫn dắt. Một số quỹ nhanh chóng nâng tỷ trọng lên gần 20% để bám sát xu hướng thị trường; một số chỉ tham gia ở mức vừa phải hoặc chủ động giảm tỷ trọng để kiểm soát rủi ro tập trung; trong khi nhóm còn lại không nắm giữ do quan điểm định giá hoặc tiêu chí lựa chọn riêng. **Những quyết định khác nhau về thời điểm tham gia, quy mô tỷ trọng và mức độ chấp nhận rủi ro đã tạo ra sự phân hóa đáng kể về hiệu suất giữa các quỹ.**

HIỆU SUẤT VÀ TỶ TRỌNG NHÓM VINGROUP TẠI CÁC QUỸ CỔ PHIẾU NĂM 2025

CCQ	Tổng NAV (tỷ VNĐ)	Hiệu suất 2025	Tỷ trọng cổ phiếu (VIC, VHM, VRE, VPL)/NAV											
			Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
DCDS	5,774	32.86%	0.0%	0.0%	8.5%	11.4%	18.5%	10.0%	9.7%	11.6%	11.8%	14.8%	19.7%	19.3%
BMFF	499	24.32%	4.7%	7.4%	7.8%	9.5%	6.9%	2.3%	1.8%	1.0%	0.7%	0.0%	0.0%	0.0%
VCBF-BCF	1,260	22.64%	4.0%	4.0%	4.9%	6.5%	7.3%	6.6%	6.6%	6.5%	7.0%	5.7%	6.6%	5.6%
EVESG	1,716	18.42%	1.9%	2.0%	2.0%	1.7%	1.6%	1.3%	1.2%	1.2%	2.7%	11.3%	17.1%	19.3%
DCDE	880	15.30%	0.0%	0.0%	3.3%	6.0%	7.9%	6.1%	5.8%	7.4%	7.6%	7.8%	7.9%	8.8%
VEOF	1,698	13.26%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
SSI-SCA	1,264	11.72%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	1.9%	2.2%	2.7%
VLGF	5,024	8.76%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
VMEEF	2,155	7.93%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
VCBF-MGF	870	6.60%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
VESAF	2,402	6.52%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%

KHUNG NHẬN DIỆN KHẨU VỊ ĐẦU TƯ CỦA QUỸ

Những quyết định đầu tư trên thực tế mới phản ánh rõ cách quỹ vận hành và chiến lược mà quỹ thực sự theo đuổi. Khi theo dõi liên tục qua nhiều kỳ, đặc biệt trong những giai đoạn thị trường biến động, nhà đầu tư sẽ dần nhận diện được khẩu vị đầu tư của từng quỹ. Thay vì chỉ dựa vào các thông tin được công bố hay hiệu suất trong một giai đoạn, nhà đầu tư có thể quan sát lịch sử thay đổi danh mục và mức độ minh bạch để xác định quỹ phù hợp hơn với mục tiêu tăng trưởng cao, đầu tư dài hạn hay ưu tiên sự ổn định.

Tiêu chí	Tăng trưởng chủ động	Giá trị dài hạn	Phòng thủ linh hoạt
Mục tiêu ưu tiên	Tận dụng xu hướng và nhóm cổ phiếu dẫn dắt	Tìm kiếm giá trị từ chất lượng và triển vọng doanh nghiệp	Bảo toàn thành quả và duy trì khả năng giải ngân
Cách xây dựng và điều chỉnh danh mục	❖ Linh hoạt luân chuyển ngành và tỷ trọng theo cơ hội thị trường. ❖ Chủ động cơ cấu để tiếp tục bám sát xu hướng.	❖ Duy trì danh mục lõi dựa trên chất lượng doanh nghiệp và định giá. ❖ Cơ cấu khi triển vọng hoặc định giá thay đổi đáng kể.	❖ Phân bổ linh hoạt giữa cổ phiếu, tiền mặt và tài sản ổn định. ❖ Giảm tập trung, tăng thanh khoản và giải ngân từng phần khi rủi ro thay đổi.
Nhà đầu tư nên theo dõi	Biến động tỷ trọng ngành, cổ phiếu lớn và mức độ thay đổi danh mục	Tính ổn định của danh mục lõi và lý do duy trì khoản đầu tư	Tỷ trọng tiền mặt, mức giảm tỷ trọng cổ phiếu và thời điểm giải ngân trở lại
Lợi thế	Có khả năng nắm bắt nhanh cơ hội khi thị trường hình thành xu hướng rõ	Danh mục ít bị chi phối bởi biến động ngắn hạn	Hạn chế mức giảm và có sẵn nguồn lực khi cơ hội xuất hiện
Điểm cần lưu ý	Hiệu suất có thể thay đổi mạnh khi xu hướng đảo chiều	Có thể chậm hơn thị trường trong giai đoạn dòng tiền tập trung vào nhóm dẫn dắt	Có thể bỏ lỡ một phần đà tăng nếu duy trì trạng thái phòng thủ lâu
Nhà đầu tư phù hợp	Ưu tiên tăng trưởng và chấp nhận hiệu suất biến động	Đầu tư dài hạn, đề cao chất lượng doanh nghiệp	Ưu tiên sự ổn định, bảo toàn thành quả và giải ngân thận trọng

Nguồn: FIDT tổng hợp

HỒ SƠ RỦI RO – NỀN TẢNG CHO QUYẾT ĐỊNH PHÂN BỐ DANH MỤC TÀI SẢN

Phân bổ danh mục là quyết định tỷ trọng vốn giữa các nhóm tài sản như tiền gửi, trái phiếu, chứng chỉ quỹ, cổ phiếu và bất động sản. Phân bổ danh mục cần bắt đầu từ mục tiêu sử dụng vốn, thời gian đầu tư và mức rủi ro nhà đầu tư có thể chấp nhận. Hồ sơ rủi ro là cơ sở để xác định danh mục nên thiên về bảo toàn vốn, cân bằng hay tăng trưởng.

Lợi nhuận kỳ vọng không nên được xác định như một con số mục tiêu độc lập, mà cần đặt trong bối cảnh tài chính và mục tiêu của từng nhà đầu tư. Theo khung phân loại của FIDT, hồ sơ rủi ro được hình thành từ hai nhóm yếu tố chính: nhân khẩu học tài chính và mục tiêu tài chính.

- ❖ **Nhân khẩu học tài chính (Financial Demographics)** phản ánh nền tảng và khả năng tài chính của nhà đầu tư, bao gồm độ tuổi, tình trạng gia đình, người phụ thuộc, giai đoạn nghề nghiệp, mức độ ổn định thu nhập và khả năng tạo thu nhập trong tương lai. Các yếu tố này giúp đánh giá khả năng chịu đựng tổn thất và duy trì kế hoạch đầu tư khi thị trường biến động.
- ❖ **Mục tiêu tài chính (Financial Goals)** xác định khoản vốn được sử dụng cho mục tiêu nào, thời điểm cần sử dụng, mức độ ưu tiên và yêu cầu thanh khoản. Từ đó xác định thời gian đầu tư và mức biến động phù hợp với từng mục tiêu, làm cơ sở lựa chọn tỷ trọng giữa các nhóm tài sản.

PHÂN NHÓM TÀI SẢN THEO VAI TRÒ VÀ MỨC ĐỘ RỦI RO TRONG DANH MỤC

Lớp tài sản	Phòng thủ	Cân bằng	Tăng trưởng	Tăng trưởng mạnh
Loại tài sản	Tiền mặt	Trái phiếu DN	CCQ Cổ phiếu	Cổ phiếu
	Tiền gửi	CCQ Trái phiếu	CCQ Cân bằng	Đất nông nghiệp
	Giá trị hoàn lại của HĐBH	Đất/nhà ở Đô thị	Đất/nhà ở Nông thôn	–
	Trái phiếu CP	Căn hộ	CCQ ETF	–

Nguồn: Báo cáo chiến lược 2026 FIDT

HỒ SƠ RỦI RO – NỀN TẢNG CHO QUYẾT ĐỊNH PHÂN BỐ DANH MỤC TÀI SẢN

PHÂN BỐ DANH MỤC ĐẦU TƯ (MẪU) THEO HỒ SƠ RỦI RO

Hồ sơ	Nhóm tài sản				Thời gian đầu tư tối thiểu	TSSL kỳ vọng (%/năm)
	Phòng thủ	Cân Bằng	Tăng trưởng	Tăng trưởng mạnh		
Thận trọng	80% – 100%	0% – 20%	0%	0%	1	0 – 5%
Ổn định	20% – 40%	60% – 80%	0 – 10%	0%	2	5 – 8%
Cân bằng	0% – 30%	40% – 80%	10% – 40%	0%	3	8 – 12%
Tăng trưởng	0% – 5%	10% – 30%	60% – 80%	10% – 20%	5	12 – 15%
Tăng trưởng mạnh	0%	20% – 30%	50% – 70%	20% – 40%	7	Trên 15%

QUY TRÌNH ỨNG DỤNG HỒ SƠ RỦI RO

1. Xác định hồ sơ rủi ro

Hồ sơ rủi ro xác định danh mục nên thiên về phòng thủ, cân bằng hay tăng trưởng.



2. Phân bổ tổng danh mục

Tỷ trọng được phân bổ giữa các nhóm tài sản.



3. Lựa chọn công cụ, sản phẩm triển khai

Trong phần vốn đầu tư qua CCQ, lựa chọn tỷ trọng giữa quỹ trái phiếu – quỹ cân bằng – quỹ cổ phiếu/ETF theo hồ sơ tương ứng.

Nguồn: Báo cáo chiến lược 2026 FIDT

ĐỊNH HƯỚNG PHÂN BỐ CHỨNG CHỈ QUỸ THEO HỒ SƠ RỦI RO

Khung hồ sơ rủi ro giúp xác định mức độ rủi ro phù hợp với từng mục tiêu tài chính dựa trên ba yếu tố chính: thời gian đầu tư, nhu cầu thanh khoản và khả năng chấp nhận biến động. Khi áp dụng cho chứng chỉ quỹ, hồ sơ rủi ro không trực tiếp xác định một quỹ cụ thể, mà định hướng vai trò và tỷ trọng của quỹ trái phiếu, quỹ cân bằng, quỹ cổ phiếu và ETF trong danh mục.

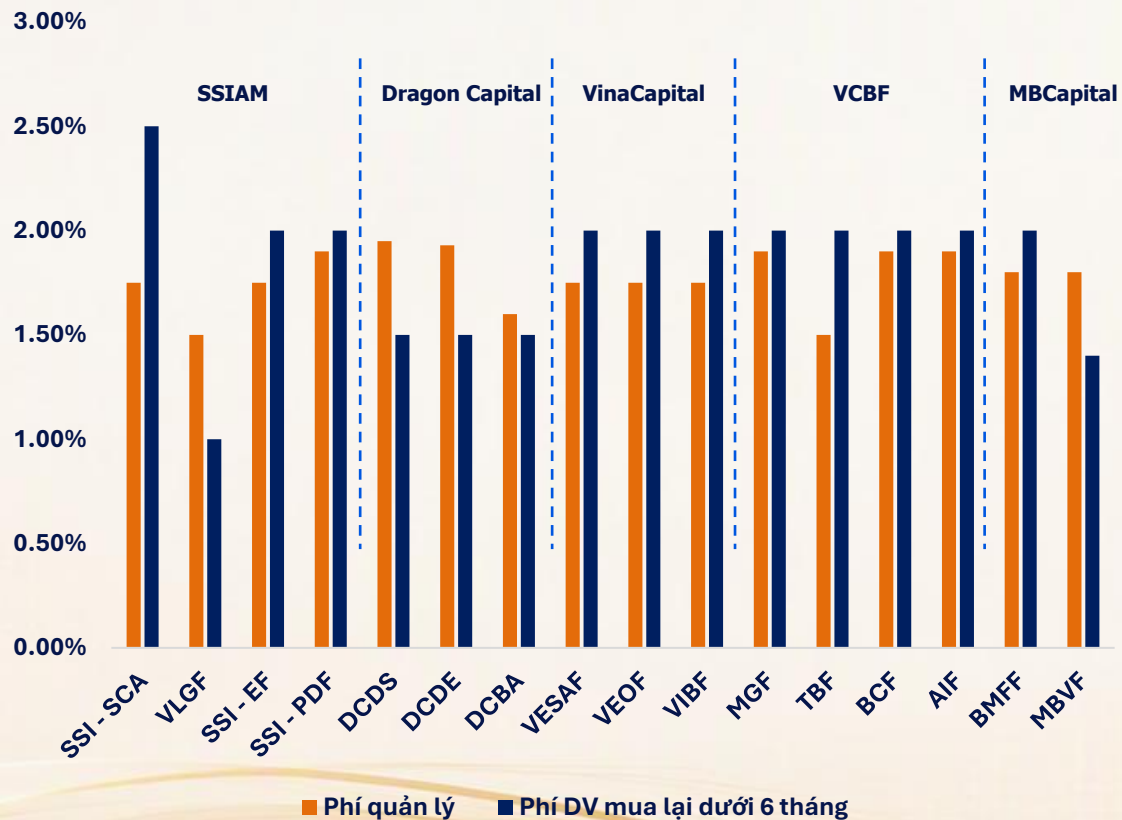
Trong cùng một nhóm, các quỹ vẫn có thể khác biệt đáng kể về chiến lược, danh mục, mức độ tập trung, hiệu suất và khả năng kiểm soát biến động. Sau khi xác định tỷ trọng phù hợp, nhà đầu tư cần tiếp tục so sánh hiệu suất với chỉ số tham chiếu và các quỹ cùng nhóm; đồng thời xem xét mức giảm lớn nhất, tính nhất quán của chiến lược, năng lực quản lý, mức độ minh bạch và chi phí đầu tư.

ĐỊNH HƯỚNG PHÂN BỐ CHỨNG CHỈ QUỸ THEO HỒ SƠ RỦI RO

Tiêu chí	Thận trọng	Ổn định	Cân bằng	Tăng trưởng	Tăng trưởng mạnh
Thời gian đầu tư	<1 năm	1–2 năm	2–5 năm	5–7 năm	>7 năm
Mục tiêu tài chính	Bảo toàn vốn và duy trì thanh khoản	Ưu tiên bảo toàn vốn	Cân bằng bảo toàn – tăng trưởng	Tăng trưởng tài sản dài hạn	Ưu tiên tăng trưởng cao trong dài hạn
Khẩu vị rủi ro	Rất thấp	Thấp	Trung bình	Khá cao	Cao
Chiến lược CCQ phù hợp	Quỹ Trái phiếu ngắn hạn	Quỹ Trái phiếu là chủ lực	Kết hợp Quỹ Trái phiếu với Quỹ Cân bằng/Cổ phiếu	Quỹ cổ phiếu và ETF là chủ lực, kết hợp một phần quỹ cân bằng	Quỹ cổ phiếu chủ động, linh hoạt theo thị trường hoặc ETF
Cơ cấu phân bố trong danh mục CCQ	100% quỹ trái phiếu ngắn hạn	80% quỹ trái phiếu; 20% quỹ cân bằng	40% quỹ trái phiếu; 30% quỹ cân bằng; 30% quỹ cổ phiếu/ETF	20% quỹ cân bằng; 80% quỹ cổ phiếu/ETF	100% quỹ cổ phiếu/ETF

TIÊU CHÍ LỰA CHỌN CHỨNG CHỈ QUỸ THEO HỒ SƠ RỦI RO

Phí quản lý và giá dịch vụ mua lại dưới 6 tháng của một số chứng chỉ quỹ mở



Nguồn: FIDT tổng hợp

Việc lựa chọn chứng chỉ quỹ trước hết cần dựa trên mức độ phù hợp với hồ sơ rủi ro, mục tiêu tài chính và thời gian đầu tư. Bên cạnh hiệu suất quá khứ, nhà đầu tư cần xem xét chiến lược đầu tư, đặc điểm danh mục, mức độ biến động, quy mô và thời gian hoạt động của quỹ, năng lực của đội ngũ quản lý cũng như mức độ minh bạch trong công bố thông tin. Mức độ ưu tiên của từng tiêu chí sẽ khác nhau tùy theo vai trò của quỹ trong danh mục.

Chi phí cũng là yếu tố cần lưu ý vì ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận thực nhận. Phí quản lý được phản ánh trong giá trị tài sản ròng của quỹ, trong khi phí mua, bán, chuyển đổi hoặc mua lại sớm phát sinh tùy theo biểu phí và thời gian nắm giữ. Vì vậy, nhà đầu tư nên đánh giá tổng chi phí trong thời gian dự kiến đầu tư và hiệu suất sau phí, thay vì chỉ lựa chọn quỹ có mức phí thấp nhất.

TIÊU CHÍ LỰA CHỌN CHỨNG CHỈ QUỸ THEO HỒ SƠ RỦI RO

Tiêu chí	Thận trọng	Ổn định	Cân bằng	Tăng trưởng	Tăng trưởng mạnh
Mục tiêu ưu tiên	Ưu tiên bảo toàn vốn và duy trì thanh khoản	Bảo toàn phần lớn vốn, đồng thời cải thiện lợi nhuận trong trung hạn	Cân bằng giữa tăng trưởng tài sản và kiểm soát biến động	Tăng trưởng tài sản trong dài hạn	Ưu tiên tăng trưởng cao trong dài hạn và chấp nhận biến động lớn
Cách đánh giá hiệu suất	Lợi nhuận sau phí ổn định; mức giảm thấp; so sánh với các quỹ cùng nhóm	Hiệu suất ổn định qua nhiều kỳ; so sánh với quỹ trái phiếu cùng chiến lược	So sánh với chỉ số tham chiếu kết hợp phù hợp với tỷ trọng cổ phiếu và trái phiếu	So sánh với VN-Index hoặc chỉ số quỹ công bố trong giai đoạn từ 3–5 năm	Xem xét khả năng vượt chỉ số qua nhiều giai đoạn, đồng thời đánh giá mức giảm và độ tập trung danh mục
Chiến lược đầu tư	Quỹ trái phiếu	Quỹ trái phiếu là chủ lực, kết hợp một phần quỹ cân bằng	Quỹ cân bằng hoặc kết hợp quỹ trái phiếu với quỹ cổ phiếu	Quỹ cổ phiếu và ETF là chủ lực, kết hợp một phần quỹ cân bằng	Quỹ cổ phiếu chủ động, linh hoạt theo thị trường hoặc ETF
Danh mục đầu tư của quỹ	- Nắm giữ trái phiếu của các DN lớn – đảm bảo khả năng chi trả - Khả năng kiểm soát rủi ro tốt - Danh mục ít thay đổi	- Nắm giữ trái phiếu của các DN lớn, có thể kết hợp một phần nhỏ cổ phiếu blue-chip - Khả năng kiểm soát rủi ro tốt - Danh mục ít thay đổi	- Tập trung những cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt - Đa dạng ngành	Tập trung nhóm ngành/cổ phiếu có câu chuyện tăng trưởng	- Tập trung nhóm ngành/cổ phiếu có câu chuyện tăng trưởng - Thay đổi linh hoạt theo thị trường
Chi phí	- So sánh phí với các quỹ cùng nhóm - Đảm bảo phí không làm mất phần lợi nhuận tối thiểu - Chấp nhận phí cao hơn nếu quỹ thực sự có hiệu suất vượt trội - Cân nhắc các khoản phí rút vốn trước hạn hoặc chuyển đổi quỹ				

Về FiinGroup

Đơn vị cung cấp hạ tầng công nghệ dữ liệu tài chính, phân tích ngành và xếp hạng tín nhiệm tại Việt Nam

FiinGroup



Cổ đồng chiến lược:
NIKKEI Quick

FiinGroup là đơn vị cung cấp hạ tầng công nghệ dữ liệu, phân tích và các giải pháp hỗ trợ ra quyết định cho thị trường tài chính, đầu tư và thương mại - bao gồm tài chính bền vững và các yếu tố ESG. FiinGroup giúp các tổ chức và doanh nghiệp lớn hiểu rõ thị trường, quản trị rủi ro và ra quyết định nhanh chóng, hiệu quả hơn. FiinGroup đang từng bước phát triển theo định hướng AI-first, hướng tới xây dựng hạ tầng dữ liệu và tri thức cho thị trường.

Xem thông tin chi tiết: <https://www.fiingroup.vn>

(FiinRatings và Goline là công ty con và được sở hữu chi phối bởi FiinGroup)



Đối tác chiến lược:
S&P Global

FiinRatings là tổ chức xếp hạng tín nhiệm được Bộ Tài chính cấp phép và là đối tác chiến lược của S&P Global. FiinRatings cung cấp dịch vụ xếp hạng tín nhiệm, dịch vụ cho nhà đầu tư, xác nhận và đánh giá độc lập trái phiếu xanh (Second Party Opinion - SPO).

Xem thông tin chi tiết: <https://www.fiinratings.vn>



Goline là đối tác công nghệ chuyên xây dựng và vận hành các nền tảng cốt lõi cho hạ tầng tài chính thể hệ mới tại Việt Nam.

Xem thông tin chi tiết: <https://goline.ai/>

Data Analytics Research Intelligence Ratings

CTCP FiinGroup

Lĩnh vực Đầu tư Tài chính

- FiinPro-X - Nền tảng dữ liệu Tài chính & Cổng thông tin Trái phiếu
- FiinFund - Nền tảng Quản lý Tài sản & Đầu tư
- FiinTrade - Nền tảng Phân tích Chứng khoán
- FiinQuant - Thư viện dữ liệu Chứng khoán
- Giải pháp dữ liệu chứng khoán (API Datafeed, Microsite)
- Tính giá trái phiếu

Lĩnh vực tín dụng, vốn nợ và TPDN

- FiinRatings - Xếp hạng tín nhiệm độc lập
- Chăm điểm rủi ro Doanh nghiệp
- Standard API - Giải pháp dữ liệu Quy trình Tín dụng

Lĩnh vực Đầu tư & FDI

- Báo cáo Ngành
- Nghiên cứu Thị trường
- Dịch vụ Tư vấn
- Tư vấn Giao dịch M&A

Lĩnh vực Thương mại

- FiinGate - Nền tảng thông tin & phân tích kinh doanh
- Báo cáo Phân tích Doanh nghiệp
- Giải pháp Bán hàng & Tiếp thị
- Benchmarking Ngành

CTCP FiinRatings

Xếp hạng Tín nhiệm

- Tổ chức phát hành
- Công cụ nợ

Dịch vụ cho Nhà đầu tư

- Thẩm định & Đánh giá rủi ro tín dụng Doanh nghiệp
- Nghiên cứu Tín dụng Ngành & Đánh giá Rủi ro Thị trường

Lĩnh vực Tài chính xanh & ESG

- Đánh giá độc lập (SPO)
- Xác nhận & Đánh giá ESG độc lập
- Tư vấn Tài chính Bền vững

CTCP Goline

Core CK cơ sở và phát sinh

- Hệ thống ALGO Trading
- Copy Trade
- Robot Trading
- Hệ thống thẩm định chính sách giá

Core chứng khoán OTC

- Trading Platform
- Hệ thống phân tích hành vi
- Core Trái phiếu
- GAIA advisor
- Omnibus Trading

ĐỒNG HÀNH CÙNG SỰ PHÁT TRIỂN NGÀNH QUẢN LÝ QUỸ VIỆT NAM

Từ Phân tích Dữ liệu đến Quyết định

FiinGroup đồng hành cùng các Công ty Quản lý Quỹ trên toàn bộ hành trình chuyển đổi số với hệ sinh thái Phân tích dữ liệu, xếp hạng tín nhiệm và công nghệ vận hành toàn diện.



18+ năm

dẫn dắt Phân tích dữ liệu thị trường Việt Nam



Hệ sinh thái

giải pháp toàn diện
Đầu tư - Tín dụng - Công nghệ



S&P Global

Đối tác chiến lược về xếp hạng tín nhiệm

HỆ SINH THÁI PHÂN TÍCH DỮ LIỆU FIINGROUP



Tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập được Bộ Tài chính cấp phép và là đối tác chiến lược của S&P Global



FiinGroup
ENLIGHTEN THE MARKET

Hệ sinh thái phân tích dữ liệu, đồng hành với toàn bộ vòng đời của dòng vốn

Goline
smart but simple

Giải pháp Công nghệ tài chính, Core Chứng khoán, core Fund, AI-transform



► Khám phá ngay

Hà Nội • TP. Hồ Chí Minh | support@fiingroup.com | fiingroup.vn

GIẢI PHÁP ĐỒNG HÀNH CÙNG QUỸ ĐẦU TƯ



FiinPro-X
A PRODUCT OF FIINGROUP

Ra quyết định đầu tư nhanh, chính xác

Phân tích Dữ liệu tài chính cho thị trường cổ phiếu, trái phiếu, vĩ mô, Quỹ đầu tư, Cập nhật real-time



FiinFund
A PRODUCT OF FIINGROUP

Tự động hoá toàn bộ quy trình kế toán, báo cáo, tuân thủ và quản trị rủi ro cho Quỹ đầu tư

Quản lý toàn diện vòng đời đầu tư trên một nền tảng.



Tính giá trái phiếu

Định giá danh mục đầu tư, phản ánh đúng giá trị tài sản

Xác định giá trị trái phiếu dựa trên giá trị thị trường



Xếp hạng Tín nhiệm

Hỗ trợ lựa chọn và phân bổ danh mục đầu tư, giám sát sau đầu tư bởi các quỹ

Đánh giá mức độ rủi ro về tổ chức phát hành và công cụ nợ cụ thể



Credit Intelligence Platform

Tích hợp hệ thống quản trị đầu tư và quản trị rủi ro cho tổ chức tín dụng và quỹ trái phiếu

Nền tảng phân tích & chấm điểm tín dụng doanh nghiệp, ngành



FiinAI

Rút ngắn 30 – 50% thời gian ra quyết định.

Giải pháp chuyển đổi số, ứng dụng AI vào vận hành hiệu quả

FIDT – FINANCIAL PLANNING GROUP

Hoạch định trước - Sản phẩm sau

Thị trường có rất nhiều nơi cung cấp sản phẩm tài chính.

Nhưng rất ít nơi bắt đầu từ một bản hoạch định đúng nghĩa.

FIDT được xây dựng để lấp đầy khoảng trống đó. Chúng tôi đặt Hoạch định Tài chính làm trung tâm – mọi giải pháp đều khởi nguồn từ cấu trúc tài sản và mục tiêu dài hạn của khách hàng.

Khác biệt đến từ quy trình tư vấn

Tại FIDT, Khối Hoạch định chính là Khối Quản lý Gia sản – nơi chịu trách nhiệm xây dựng bản kế hoạch tài chính tổng thể và cấu trúc tài sản dài hạn cho khách hàng.

Phân tích toàn diện
tình hình tài chính

Xác lập mục tiêu và
chiến lược dài hạn

Thiết kế cấu trúc tài
sản phù hợp theo từng
giai đoạn cuộc đời



VỀ FIDT – ĐỐI TÁC PHÂN PHỐI CHIẾN LƯỢC

20+ ĐỊNH CHẾ UY TÍN

FIDT là đối tác phân phối chiến lược và độc lập tất cả sản phẩm giải pháp tài chính cho các nhu cầu Bảo Vệ, Tích Luỹ, Đầu Tư và Di Sản



VỀ FIDT – DỊCH VỤ VÀ NĂNG LỰC CỐT LÕI

FIDT PLATFORM



KHOẢ QUẢN LÝ GIA SẢN

HOẠCH ĐỊNH TÀI CHÍNH



- Tất cả sản phẩm tại FIDT
- Tập trung vào các sản phẩm
Hoạch định Tài chính Cá nhân



SẢN PHẨM

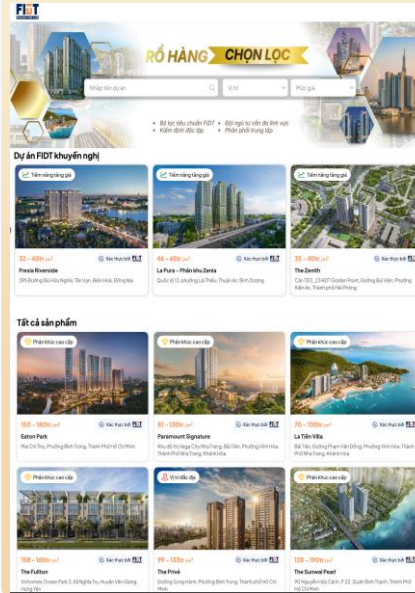


KHOẢ SẢN PHẨM

BẤT ĐỘNG SẢN



- Bất động sản theo dự án
- Bất động sản nhà ở
- Bất động sản dòng tiền



THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH



- Trái phiếu qua TCBS, VPBankS
- Trái phiếu bảo chứng chất lượng cao
- FinUp
- Sản phẩm ngân hàng
- Sản phẩm cổ phiếu: cổ phiếu, quỹ mở, ETF
- Các sản phẩm đầu tư khác...

TECHCOMSECURITIES

SSI Asset Management

VPBank Securities vps

MBCapital

BẢO HIỂM



- Bảo hiểm nhân thọ & phi nhân thọ từ các đối tác

AIA HEALTHIER. LONGER. BETTER LIVES

FWD insurance **DAI-ICHI LIFE**

BAOVIET Life **BẢO VIỆT NHÂN THỌ**

BAOVIET Insurance **BẢO HIỂM BẢO VIỆT**

SẢN PHẨM KHÁC



- Đầu tư định cư
- Tài chính doanh nghiệp (CFO thuê ngoài)
- Wealth Learning - Khóa học Hoạch định Tài chính Cá nhân toàn diện
- Đào tạo / Workshop TCCN cho doanh nghiệp theo nhu cầu



Tuyên bố Bản quyền và Miễn trách:

- Tài liệu này được soạn thảo bởi Công ty Cổ phần FiinGroup và Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản FIDT chỉ sử dụng cho mục đích tham khảo.
- Đây không phải là Báo cáo xếp hạng tín nhiệm và không khuyến nghị mua, bán hoặc nắm giữ bất kỳ cổ phiếu nào hoặc bất kỳ giao dịch cụ thể nào khác.
- Các thông tin trong báo cáo này, bao gồm số liệu, dữ liệu, bảng biểu, phân tích và kết luận của FiinGroup và FIDT, chỉ dành cho mục đích sử dụng cá nhân của từng người đọc.
- FiinGroup và FIDT sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ tổn thất hoặc hậu quả nào có thể xảy ra do việc sử dụng thông tin trong báo cáo này.
- FiinGroup và FIDT giữ bản quyền đối với báo cáo này và toàn bộ nội dung trong Báo cáo này. Báo cáo này được bảo hộ bản quyền theo pháp luật về quyền tác giả của Việt Nam và các nước theo các công ước, điều ước quốc tế về quyền tác giả mà Việt Nam là thành viên.



TRÂN TRỌNG CẢM ƠN